Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch
Khoa Quản trị kinh doanh

--------ꕥ 🕮 ꕥ-------

Giáo trình

MÔN HỌC: THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ KHO
VÀ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

NGÀNH: QUẢN LÝ VÀ BÁN HÀNG SIÊU THỊ
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 404 /QĐ- CĐTMDL ngày 05 tháng 07 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch)

Lưu hành nội bộ

Thái Nguyên, 2022

LỜI GIỚI THIỆU

Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành thương mại bán lẻ Việt Nam diễn ra trong bối cảnh Việt Nam đang tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng nền kinh tế thị trường và chủ động hội nhập kinh tế với thế giới và khu vực. Các loại hình thương mại văn minh hiện đại, trong đó có siêu thị mà trước đây rất ít người Việt Nam biết tới đã xuất hiện và dần trở nên phổ biến ở Việt Nam, nhất là ở các thành phố lớn. Kinh doanh siêu thị ra đời đã làm thay đổi diện mạo ngành thương mại bán lẻ của đất nước, mở ra một loại cửa hàng văn minh, hiện đại và tiện nghi cho người mua sắm Việt Nam, làm thay đổi cả các thói quen mua sắm truyền thống và đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội đất nước nói chung.

Để củng cố những kiến thức và giúp người học nâng cao tay nghề về các nghiệp vụ kho, vận chuyển hàng hóa trong siêu thị và để có tài liệu phục vụ giảng dạy cho học sinh chuyên ngành trong trường Cao đẳng thương mại và du lịch, tập thể tác giả đã biên soạn giáo trình "Thực hành nghiệp vụ kho, vận chuyển hàng hóa trong". Giáo trình để làm tài liệu giảng dạy cho học sinh ngành Quản lý và bán hàng siêu thị trình độ trung cấp.

Trong quá trình biên soạn giáo trình "Thực hành nghiệp vụ kho, vận chuyển hàng hóa trong siêu thị". tác giả đã nhận được những ý kiến đóng góp hiệu quả của các giảng viên khoa quản trị kinh doanh, các thầy cô giáo trong hội đồng khoa học nhà trường. Tác giả xin trân trọng cám ơn sự giúp đỡ của các đồng nghiệp.

Mặc dù đã rất cố gắng nhưng không thể tránh khỏi những thiếu sót và những hạn chế. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý, bổ sung của độc giả để giúp cho quá trình được hoàn thiện hơn. Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Khoa Quản trị kinh doanh, trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch – số 478 đường Thống Nhất, phường Tân Thịnh, TP Thái Nguyên

Chân thành cảm ơn!

NHÓM TÁC GIẢ

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU **1**

CHƯƠNG I: THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ KHO **11**

1. THỰC HÀNH QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ NHẬP HÀNG HÓA **13**

1.1. Quy trình nhập hàng từ nhà cung ứng **13**
1.2. Quy trình trả lại hàng từ quầy **13**

2.2. Thực hành nghiệp vụ xuất hàng **13**
2.2.1. Quy trình xuất hàng hóa từ kho ra quầy 13
2.2.2. Quy trình xuất hàng trực tiếp cho khách hàng 14

CHƯƠNG II: THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA **18**

1. CHUẨN BỊ VẬN CHUYỂN **18**

1.1. Giao, nhận và kiểm soát chứng từ vận chuyển **20**

1.2. Chuẩn bị phương tiện, thiết bị và dụng cụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa **20**

1.3. Kiểm tra hàng hóa **20**

1.4. Tập kết hàng hóa theo đơn hàng **20**

2. THỰC HÀNH VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA NỘI BỘ **21**

2.1. Kiểm tra hàng hóa theo đơn hàng vận chuyển nội bộ **21**

2.2. Lựa chọn phương tiện vận chuyển nội bộ **21**

2.3. Lựa chọn cung đường vận chuyển nội bộ **21**

2.4. Thực hiện bốc xếp hàng hóa lên phương tiện vận chuyển **21**

2.5. Thực hiện vận chuyển hàng hóa nội bộ **21**

2.6. Kết thúc quá trình vận chuyển hàng hóa nội bộ **22**

3. THỰC HÀNH VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG 22

3.1. Xác định nhu cầu vận chuyển hàng hóa của khách hàng 22

3.2. Xác định cung đường vận chuyển..... 22

3.3. Lựa chọn và vận hành thử phương tiện vận chuyển 22

3.4. Kiểm tra hàng hóa theo đơn hàng vận chuyển..... 23

3.5. Thực hiện bốc xếp hàng hóa lên phương tiện vận chuyển 23

3.6. Vận chuyển hàng hóa đến nơi yêu cầu..... 23

3.7. Kết thúc quá trình vận chuyển hàng hóa..... 23

4. BÁO CÁO VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA 23

4.1. Chuẩn bị điều kiện báo cáo 23

4.2. Thực hành quy trình báo cáo..... 23

CHƯƠNG III: THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ BẢO QUẢN HÀNG HÓA 36

1. CHUẨN BỊ VẬT TƯ, TRANG THIẾT BỊ BẢO QUẢN HÀNG HÓA 38

1.1. Vật tư, trang thiết bị vệ sinh 38

1.2. Vật tư, thiết bị dụng cụ đo lường..... 38

2. THỰC HÀNH QUẢN LÝ NHIỆT ĐỘ, ĐỘ ẨM..... 38

2.1. Nhiệt độ 38

2.2. Độ ẩm..... 39

3. THỰC HÀNH PHÒNG TRỪ MỐC, CÔN TRÙNG VÀ CHUỘT..... 39

3.1. Phòng trừ mốc 39

3.2. Phòng trừ côn trùng..... 40

3.3. Phòng trừ chuột..... 41

4. THỰC HÀNH QUẢN LÝ HAO HỤT..... 41

4.1. Xác định định mức hao hụt định mức 41

4.2. Tính toán hao hụt 42

4.3. Đánh giá hao hụt 43

5. THỰC HÀNH KÊ LÓT CHẤT XẾP HÀNG HÓA 44

5.1. Kê lót hàng hóa 44

5.2. Chất xếp hàng hóa 44

6. THỰC HÀNH KỸ THUẬT BẢO QUẢN HÀNG HÓA 47

6.1. Kỹ thuật bao gói hàng hóa 47

6.2. Kỹ thuật xử lý bảo quản hàng hóa 47

7. THỰC HÀNH QUY TRÌNH KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA ... 48

7.1. Chuẩn bị kiểm tra 48

7.2. Kiểm tra 49

7.3. Kết thúc kiểm tra 49

8.THỰC HÀNH GHI CHÉP, VIẾT BÁO CÁO TÌNH TRẠNG HÀNG HÓA TRONG BẢO QUẢN 49

8.1. Ghi chép tình trạng hàng hóa 49

8.2. Lập báo cáo hàng hóa 49

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

1. Tên môn học: Thực hành kho vận chuyển bảo quản hàng hóa

2. Mã số môn học: MH24

3. Vị trí, tính chất của môn học

3.1. Vị trí:

Thực hành kho vận chuyển bảo quản hàng hóa là môn học thuộc nhóm các môn học cơ sở trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp "Quản lý và bán hàng siêu thị"

3.2. Tính chất:

Thực hành kho vận chuyển bảo quản hàng hóa là môn học thực hành.Đánh giá môn học bằng hình thức kiểm tra kết thúc môn.

4. Mục tiêu của môn học:

4.1. Về kiến thức:

Học sinh khái quát được các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kho, vận chuyển và bảo quản hàng hóa trong siêu thị.

4.2. Về kỹ năng:

Sau khi học xong môn học, người học hình thành được kỹ năng:

- Thành thạo kỹ năng xuất, nhập hàng hóa trong kho của siêu thị
- Thành thạo quy trình vận chuyển hàng hóa
- Biết lập báo cáo vận chuyển
- Thành thạo các kỹ thuật bảo quản hàng hóa
- Biết ghi chép viết báo cáo tình trạng hàng hóa

4.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khỏe và trách nhiệm khi thực hiện công việc sau này tại các doanh nghiệp.

Học sinh có thái độ nghiêm túc khi nghiên cứu môn học, tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập; rèn luyện được tác phong công nghiệp, lề lối làm việc của người lao động tốt.

5. Nội dung của môn học

5.1. Chương trình khung

Mã MH/ MĐ	**Tên môn học/mô đun**	**Số tín chỉ**	**Thời gian học tập** *(giờ)*			
			Tổng số	**Trong đó**		
				Lý thuyết	**Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận**	**Thi/ Kiểm tra**
I	**Các môn học chung**	**12**	**255**	**94**	**148**	**13**
MH01	Chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1

MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục QPAN	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Tiếng Anh cơ bản	4	90	30	56	4
II	**Các môn học chuyên môn**	**65**	**1590**	**568**	**981**	**41**
II.1	***Môn học cơ sở***	***18***	***270***	***256***	***0***	***14***
MH07	Tổng quan về siêu thị	2	30	28	-	2
MH08	Quản trị học	3	45	43	-	2
MH09	Luật kinh tế	2	30	28	-	2
MH10	Nguyên lý kế toán	3	45	43	-	2
MH11	Marketing căn bản	2	30	28	-	2
MH12	Tâm lý khách hàng và KNGT	3	45	43	-	2
MH13	Thương phẩm học	3	45	43	-	2
II.2	***Môn học chuyên môn***	***45***	***1290***	***284***	***981***	***25***
MH14	Tiếng Anh Thương mại	3	45	43	-	2
MH15	Quản lý siêu thị	3	45	43	-	2
MH16	Nghiệp vụ mua hàng	2	30	28	-	2
MH17	Nghiệp vụ bán hàng siêu thị	3	45	43	-	2
MH18	Kỹ thuật trưng bày hàng hóa	3	45	43	-	2
MH19	Nghiệp vụ kho, vận chuyển hàng hóa trong siêu thị	2	30	28	-	2
MH20	Kỹ thuật bảo quản hàng hóa	2	30	28	-	2
MH21	Phần mềm q.lý bán hàng siêu thị	2	60	-	57	3
MH22	Thuế	2	30	28	-	2
MH23	TH nghiệp vụ mua, bán, trưng bày hàng hóa	4	120	-	117	3
MH24	TH nghiệp vụ kho, vận chuyển, bảo quản hàng hóa	3	90	-	87	3
MH25	Thực tập tốt nghiệp	16	720	-	720	
II.3	***Môn học tự chọn****(chọn 1 trong 2)*	***2***	***30***	***28***	***0***	***2***
MH26	Thương mại điện tử	2	30	28	-	2
MH27	Khởi sự doanh nghiệp	2	30	28	-	2
Tổng cộng		**77**	**1845**	**662**	**1129**	**54**

5.2. Chương trình chi tiết môn học

Số TT	**Tên chương, mục**	**Thời gian (giờ)**			
		Tổng số	**Lý thuyết**	**Thực hành, thảo luận, bài tập**	**Kiểm tra**
1	Chương I: Thực hành nghiệp vụ kho	28		27	1

2	Chương II: Thực hành nghiệp vụ vận chuyển hàng hóa	20		19	1
3	Chương III: Thực hành nghiệp vụ bảo quản hàng hóa	42		41	1
	Cộng	**90**		**87**	**3**

6. Điều kiện thực hiện môn học:

6.1. Phòng học Lý thuyết/Thực hành: Đáp ứng phòng học chuẩn

6.2. Trang thiết bị dạy học: Projetor, máy vi tính, bảng, phấn

6.3. Học liệu, dụng cụ, mô hình, phương tiện: Giáo trình, mô hình học tập,…

6.4. Các điều kiện khác: Người học tìm hiểu thực tế về công tác xây dựng phương án khắc phục và phòng ngừa rủi ro tại doanh nghiệp.

7. Nội dung và phương pháp đánh giá:

7.1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức
- Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kỹ năng.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trong quá trình học tập, người học cần:

+ Nghiên cứu bài trước khi đến lớp.

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.

+ Nghiêm túc trong quá trình học tập.

7.2. Phương pháp:

Người học được đánh giá tích lũy môn học như sau:

7.2.1. Cách đánh giá

- Áp dụng quy chế đào tạo trình độ trung cấp hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 04/2022/TT-LĐTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo áp dụng tại Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch như sau:

Điểm đánh giá	Trọng số
+ Điểm kiểm tra thường xuyên (Hệ số 1)	40%
+ Điểm kiểm tra định kỳ (Hệ số 2)	
+ Điểm thi kết thúc môn học	60%

7.2.2. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá	Phương pháp tổ chức	Hình thức kiểm tra	Thời điểm kiểm tra
Thường xuyên	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm	Sau 20 giờ.

Định kỳ	Viết/ Thuyết trình	Tự luận/ Trắc nghiệm	Sau 29 giờ
Kết thúc môn học	Viết	Tự luận và trắc nghiệm	Sau 89 giờ

7.2.3. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc môn học được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm môn học là tổng điểm của tất cả điểm đánh giá thành phần của môn học nhân với trọng số tương ứng. Điểm môn học theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về đào tạo theo tín chỉ.

8. Hướng dẫn thực hiện môn học

8.1. Phạm vi, đối tượng áp dụng: Đối tượng trung cấp Quản lý và bán hàng siêu thị

8.2. Phương pháp giảng dạy, học tập môn học

8.2.1. Đối với người dạy

* Thực hành: Áp dụng phương pháp dạy học tích cực bao gồm: Hướng dẫn mẫu, thuyết trình ngắn, nêu vấn đề, hướng dẫn đọc tài liệu, bài tập tình huống, câu hỏi thảo luận….

* Thảo luận: Phân chia nhóm nhỏ thảo luận theo nội dung đề ra.

* Hướng dẫn tự học theo nhóm: Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm tìm hiểu, nghiên cứu theo yêu cầu nội dung trong bài học, cả nhóm thảo luận, trình bày nội dung, ghi chép và viết báo cáo nhóm.

8.2.2. Đối với người học: Người học phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghiên cứu kỹ bài học tại nhà trước khi đến lớp. Các tài liệu tham khảo sẽ được cung cấp nguồn trước khi người học vào học môn học này (trang web, thư viện, tài liệu...)

- Tham dự tối thiểu 80% các buổi giảng lý thuyết. Nếu người học vắng >20% số tiết lý thuyết phải học lại môn học mới được tham dự kì thi lần sau.

- Tự học và thảo luận nhóm: là một phương pháp học tập kết hợp giữa làm việc theo nhóm và làm việc cá nhân. Một nhóm gồm 8-10 người học sẽ được cung cấp chủ đề thảo luận trước khi học lý thuyết, thực hành. Mỗi người học sẽ chịu trách nhiệm về 1 hoặc một số nội dung trong chủ đề mà nhóm đã phân công để phát triển và hoàn thiện tốt nhất toàn bộ chủ đề thảo luận của nhóm.

- Tham dự đủ các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ.

- Tham dự thi kết thúc môn học.

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

9. Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình Nghiệp vụ kinh doanh thương mại- Giáo trình nội bộ

[2]. Phạm Vũ Luận, Giáo trình Quản trị DNTM, nhà xuất bản Thống kê, 2015

[3]. Thiery Lefeuvre, *Quản lý thương mại đại cương,* NXB Giáo dục Việt Nam, 2013.

[4]. Lê Thị Hà Phương, *Luận văn: Khảo sát hành vi mua hàng của khách hàng tại 3 siêu thị: Hapro Mart, Big C, Co.op Mart và một số khuyến nghị cho các siêu thị bán lẻ tại Hà Nội,* 2011.

CHƯƠNG I: THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ KHO

GIỚI THIỆU CHƯƠNG

Chương 1 là chương thực hành về nghiệp vụ kho bao gồm các nghiệp vụ như xuất hàng, nhập hàng .

MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Trình bày được quy trình nghiệp vụ xuất hàng

- Trình bày được quy trình nghiệp vụ nhập hàng

2. Về kỹ năng:

- Vận dụng được các kiến thức tổng quan về siêu thị vào thực tế công việc;

- Thành thạo các quy trình nghiệp vụ xuất hàng và nhập hàng hóa trong siêu thị.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ý thức được tầm quan trọng và ý nghĩa thực tiễn của việc thực hành về nghiệp vụ kho

- Thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong thảo luận các nội dung giảng viên nêu ra.

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 1

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng giảng dạy tích cực (Thực hành mẫu, làm theo, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận 1 (cá nhân hoặc nhóm).

- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 1) trước buổi học; thực hành theo mẫu, hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận chương 1 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 1

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Không

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.

- Các điều kiện khác: Không có

KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 1

- Nội dung:

+ Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

+ Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kĩ năng.

+ Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Trong quá trình học tập, người học cần:
- Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- Nghiêm túc trong quá trình học tập.

- Phương pháp:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: hỏi miệng)

+ Kiểm tra định kỳ thực hành: 1 điểm kiểm tra (hình thức: kiểm tra thực hành/vấn đáp)

NỘI DUNG

1. Thực hành quy trình nghiệp vụ nhập hàng hóa

1.1. Quy trình nhập hàng từ nhà cung ứng

a, Chuẩn bị điều kiện về kho bãi

b, Tiếp nhận chứng từ nhập kho

c, Kiểm tra hàng hóa theo đơn đặt hàng nhà cung cấp

d, Trình chứng từ lên kế toán

e, Thực hiện nhập hàng theo phiếu giao hàng

f, Sắp xếp hàng hóa theo quy định

g, Xử lý các trường hợp bất thường xảy ra khi nhập kho

h, Thủ kho vào sổ nhập hàng và lưu giữ chứng từ

Yêu cầu thực hành:

Thực hành quy trình nhập hàng từ nhà cung ứng theo quy trình trên.

2.1.2. Quy trình trả lại hàng từ quầy

a, Tiếp nhận phiếu điều chuyển từ quầy của quản lý siêu thị

b, Kiểm tra chất lượng, hiện trạng của sản phẩm

c, Phân loại và lập danh sách báo

d, Nhập kho vào khu vực riêng

e, Lập biên bản đề nghị xử lý

f, Xây dựng quy trình nhập trả lại hàng hết hạn sử dụng

Yêu cầu thực hành:

Thực hành quy trình nhập hàng trả lại từ quầy.

2.2. Thực hành nghiệp vụ xuất hàng

2.2.1. Quy trình xuất hàng hóa từ kho ra quầy

a, Tiếp nhận Phiếu điều chuyển của cán bộ quản lý siêu thị

b, Kiểm tra hàng hóa thực tế trong kho

c, Xuất hàng theo Phiếu điều chuyển

d, Vào sổ theo dõi xuất hàng, lưu giữ chứng từ

e, Giao nhận hàng hóa cho nhân viên bán hàng

f, Đưa hàng trưng bày lên quầy

Yêu cầu thực hành:

Thực hành xuất kho hàng hóa ra quầy hàng

2.2.2. Quy trình xuất hàng trực tiếp cho khách hàng

a, Chuẩn bị xuất hàng

b, Xuất hàng

c, Lập chứng từ và các thủ tục liên quan khác

d, Xây dựng quy trình xuất kho hàng điện máy

Yêu cầu thực hành:

Thực hành xuất kho hàng hóa trực tiếp cho khách hàng.

Bài tập 01:

Một siêu thị đang cần nhập một lượng hàng hóa lớn như sau:

+ Nồi cơm điện:30 chiếc (Đóng hộp giấy 40x40x50cm) xếp chồng được 3 tầng

+ TV led : 20 chiếc (Đóng hộp giấy 25x120x100cm) xếp 2 tầng.

+ Điều hòa nhiệt độ: 30 chiếc (Quy cách 40x100x50 và 40x90x50) xếp được 2 tầng.

+ Điện thoại di động 50 chiếc (hộp quy cách 25x15x5) đóng 10 chiếc theo chiều dọc vào 1 thùng giấy xếp 5 tầng

+ Tủ đông: 20 chiếc (Quy cách 200x90x100) xếp 1 tầng.

Yêu cầu:

Hãy xác định tổng diện tích cần thiết để nhập lô hàng trên. Xác định quy trình để nhập lô hàng trên từ nhà cung ứng?

Bài tập 02:

Công ty TNHH Việt Hằng MST: 390022930449 địa chỉ tại Tổ 3 phố 4 phường Phan Đình Phùng TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên SĐT: 0982994141. STK: 39810000512251 Tại ngân hàng BIDV Thái Nguyên

Bán cho siêu thị Hùng An MST: 390022944662 địa chỉ tại Tổ 5 phố 6 phường Hoàng Văn Thụ TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên SĐT: 0982989242. STK: 39810000512418 Tại ngân hàng BIDV Thái Nguyên

+ Nồi cơm điện 18Lít (mã số PN18):30 chiếc Đơn giá 750.000VNĐ

+ TV led : 20 chiếc (mã số Samsung50LĐ) Đơn giá 12.500.000VNĐ

+ Điều hòa nhiệt độ: (PNS1200) 30 chiếc Đơn giá 9500.000VNĐ

+ Điện thoại di động 50 chiếc(SSA53) Đơn giá 8.500.000VNĐ

+ Tủ đông: 20 chiếc (DK202) Đơn giá 10.500.000VNĐ

Biết rằng thuế GTGT cho các sản phẩm trên là 10%

Yêu cầu:

+ Hãy lập hóa đơn GTGT và phiếu xuất kho cho siêu thị Hùng An

+ Khi nhập hàng thấy hàng hóa mỗi loại thiếu mất 2 sản phẩm. Hãy xử lý tình huống trên?

+ Lập thẻ kho cho các sản phẩm trên biết rằng số dư đầu kỳ của siêu thị Hùng An như sau:

- Nồi cơm điện 18Lít (mã số PN18):1 chiếc Đơn giá 750.000VNĐ

- TV led : 2 chiếc (mã số Samsung50LĐ) Đơn giá 12.500.000VNĐ

- Điều hòa nhiệt độ: (PNS1200) 3 chiếc Đơn giá 9500.000VNĐ

- Điện thoại di động 5 chiếc(SSA53) Đơn giá 8.500.000VNĐ

- Tủ đông: 2 chiếc (DK202) Đơn giá 10.500.000VNĐ

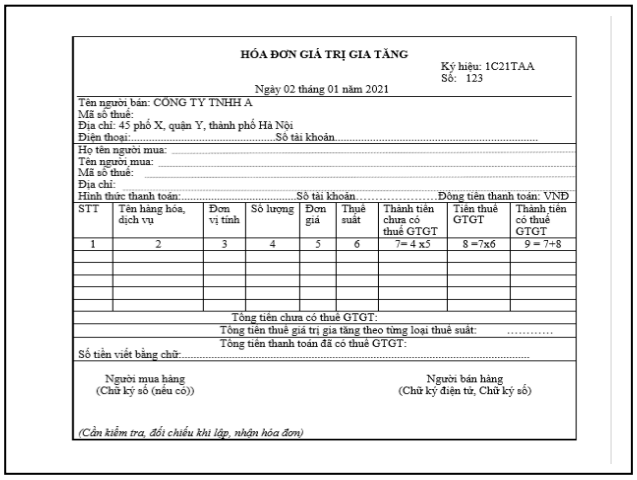

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C21TAA
Số: 123

Ngày 02 tháng 01 năm 2021

Tên người bán: CÔNG TY TNHH A
Mã số thuế:
Địa chỉ: 45 phố X, quận Y, thành phố Hà Nội
Điện thoại:.....Số tài khoản.....
Họ tên người mua:
Tên người mua:
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Hình thức thanh toán:.....Số tài khoản.....Đồng tiền thanh toán: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thuế suất	Thành tiền chưa có thuế GTGT	Tiền thuế GTGT	Thành tiền có thuế GTGT
1	2	3	4	5	6	7= 4 x5	8 =7x6	9 = 7+8

Tổng tiền chưa có thuế GTGT:
Tổng tiền thuế giá trị gia tăng theo từng loại thuế suất: .....
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT:
Số tiền viết bằng chữ:.....

Người mua hàng
(Chữ ký số (nếu có))

Người bán hàng
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn)

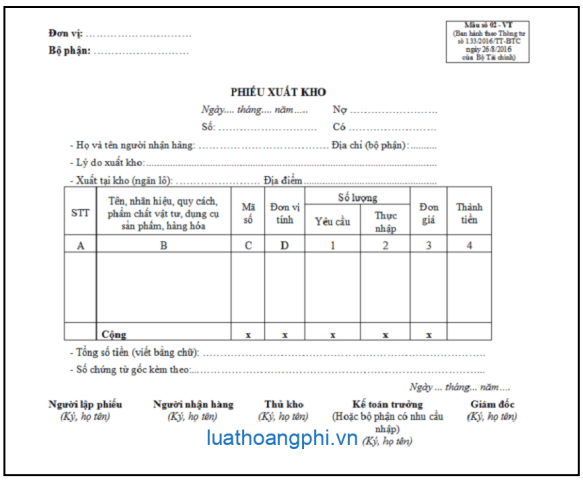

Đơn vị: .....
Bộ phận: .....

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày.... tháng.... năm.....
Số: .....
Nợ .....
Có .....

- Họ và tên người nhận hàng: .....Địa chỉ (bộ phận):.....
- Lý do xuất kho:.....
- Xuất tại kho (ngăn lô): .....Địa điểm .....

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Cộng	x	x	x	x	x	

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): .....
- Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày ... tháng... năm....

Người lập phiếu *(Ký, họ tên)* | **Người nhận hàng** *(Ký, họ tên)* | **Thủ kho** *(Ký, họ tên)* | **Kế toán trưởng** (Hoặc bộ phận có nhu cầu nhập) *(Ký, họ tên)* | **Giám đốc** *(Ký, họ tên)*

luathoangphi.vn

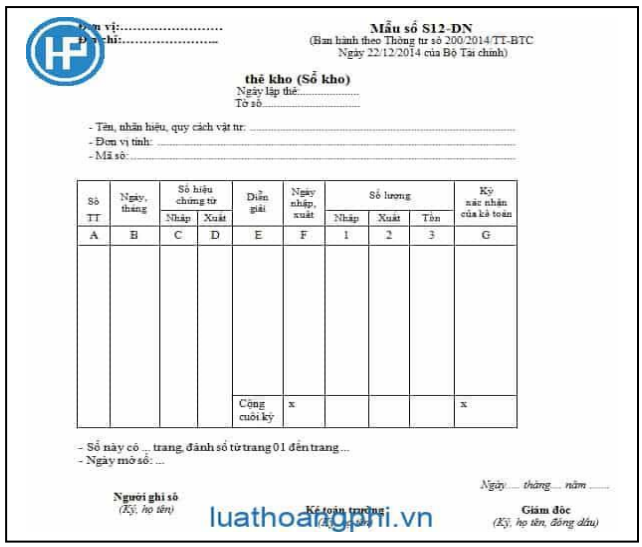

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số S12-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

thẻ kho (Sổ kho)
Ngày lập thẻ:.....
Tờ số:.....

- Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: .....
- Đơn vị tính: .....
- Mã số:.....

Số TT	Ngày, tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	F	1	2	3	G
				Cộng cuối kỳ	x				x

- Sổ này có ... trang đánh số từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ: ...

Ngày.... tháng.... năm.....

Người ghi sổ *(Ký, họ tên)* | **Kế toán trưởng** *(Ký, họ tên)* | **Giám đốc** *(Ký, họ tên, đóng dấu)*

luathoangphi.vn

Bài tập 03:

Siêu thị CTM nhập hàng từ nhà cung cấp với các số liệu như sau:
+ Sữa TH True Milk : 10 thùng
+ Nước uống TH True Water: 12 thùng.
+ Nước uống trà xanh không độ: 15 xách (6 chai/xách)
+ Nước tăng lực Number 1: 12 xách (6 chai/xách)
Yêu cầu:

Anh Chị hãy thực hiện quy trình nhập lô hàng trên. Biết rằng kèm theo lô hàng trên có phiếu xuất kho và hóa đơn GTGT với số lương hàng hóa như trên.

Bài tập 04:

Thực hành quy trình nhập hàng từ nhà cung cấp trên phần mềm của siêu thị

B1 Đăng nhập phần mềm

B2 Thiết lập các tham số

B3 Nhập hàng vào trong phần mềm và lưu trữ trên phần mềm

B4 Lập báo cáo nhập hàng.

Bài tập 05

Siêu thị CTM xuất hàng từ kho ra quầy với các số liệu như sau:
+ Sữa TH True Milk : 10 thùng
+ Nước uống TH True Water: 12 thùng.
+ Nước uống trà xanh không độ: 15 xách (6 chai/xách)
+ Nước tăng lực Number 1: 12 xách (6 chai/xách)
Yêu cầu:

Anh Chị hãy thực hiện quy trình xuất lô hàng trên từ kho ra quầy.

Bài tập 06

Thực hành trên phần mềm bán hàng siêu thị để thực hiện các công việc sau:
(Học sinh đã học phần mềm bán hàng siêu thị)

+ Thực hành nhập các tham số vào phần mềm bán hàng siêu thị

+ Thực hành in mã vạch vào sản phẩm.

+ Thực hành nhập số lượng, giá hàng hóa vào trong phần mềm

+ Thực hành kiểm kê hàng tồn kho trong kho của siêu thị

+ Thực hành lập báo cáo hàng tồn kho của siêu thị

+ Thực hành xử lý các tình huống trong quá trình thao tác trên phần mềm

TÓM TẮT CHƯƠNG I

Trong chương này, một số nội dung chính được thực hành:

+ Quy trình nhập hàng từ nhà cung ứng
+ Quy trình trả lại hàng từ quầy
+ Quy trình xuất hàng hóa từ kho ra quầy
+ Quy trình xuất hàng trực tiếp cho khách hàng
+ Thực hiện các hoạt động xuất, nhập trên phần mềm bán hàng siêu thị

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Quy trình nhập hàng từ nhà cung ứng

Câu 2: Quy trình trả lại hàng từ quầy

Câu 3: Quy trình xuất hàng hóa từ kho ra quầy

Câu 4: Quy trình xuất hàng trực tiếp cho khách hàng

Câu 5: Thực hiện các hoạt động xuất, nhập trên phần mềm bán hàng siêu thị

Câu 6: Thảo luận: So sánh quy trình xuất hàng và quy trình nhập hàng

Câu 7: Thảo luận: Xây dựng quy trình điều chuyển hàng từ kho này sang kho khác?

CHƯƠNG II. THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA

GIỚI THIỆU CHƯƠNG

Chương 2 là chương thực hành về nghiệp vụ vận chuyển hàng hóa

MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Trình bày được quy trình vận chuyển hàng hóa nội bộ và vận chuyển hàng hóa phục vụ khách hàng

- Trình bày được các nội dung của báo cáo vận chuyển

2. Về kỹ năng:

- Thành thạo những quy trình và kỹ năng về vận chuyển,

- Thực hiện tốt quá trình chuẩn bị vận chuyển, vận chuyển hàng hóa nội bộ, vận chuyển hàng hóa phục vụ khách hàng

- Lập được các báo cáo vận chuyển.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Ý thức được tầm quan trọng và ý nghĩa thực tiễn của việc thực hành nghiệp vụ vận chuyển hàng hóa

- Thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong thảo luận các nội dung giảng viên nêu ra.

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 2

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng giảng dạy tích cực (thực hành mẫu, diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện yêu cầu của giảng viên và câu hỏi thảo luận (cá nhân hoặc nhóm).

- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 2) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận chương 2 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 2

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng thực hành theo yêu cầu

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.

- Các điều kiện khác: Không có

KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 2

- Nội dung:

+ Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

+ Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kĩ năng.

+ Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Trong quá trình học tập, người học cần:
- Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- Nghiêm túc trong quá trình học tập.

- Phương pháp:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: Vấn đáp/thực hành)

+ Kiểm tra định kỳ thực hành: 1 điểm kiểm tra (hình thức: Vấn đáp/thực hành)

NỘI DUNG

1. Chuẩn bị vận chuyển

1.1. Giao, nhận và kiểm soát chứng từ vận chuyển

Chứng từ vận chuyển bao gồm:

- Giấy tờ đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định
- Giấy tờ của người điều khiển phương tiện gồm có giấy phép lái xe, giấy chứng nhận huấn luyện để vận chuyển hàng hóa, Giấy đăng ký kinh doanh theo ngành nghề cụ thể.
- Hóa đơn chứng từ của hàng hóa vận chuyển.
- Các loại giấy tờ khác như: Hợp đồng vận chuyển, Phiếu thu cước, giấy đi đường, giấy gửi hàng. Ngoài ra, hợp đồng vận chuyển cũng còn một số những nội dung như cách chằng buộc, xếp dỡ, chèn và lót, các phương thức giao nhận hàng.

1.2. Chuẩn bị phương tiện, thiết bị và dụng cụ bốc xếp, vận chuyển hàng hóa

Thiết bị, dụng cụ bốc xếp vận chuyển hàng hóa cần được chuẩn bị sẵn sàng, đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật của phương tiện, dụng cụ bốc xếp. bao gồm:

- Xe nâng, hạ hàng hóa
- Ballet kê lót hàng hóa
- Bao bì bọc hàng hóa
- Dây chằng, buộc

Chuẩn bị nhân lực và phân công nhiệm vụ cho các cá nhân tham gia vận chuyển.

1.3. Kiểm tra hàng hóa

Kiểm tra về số lượng hàng hóa trong kho nhằm chuẩn bị đủ hàng hóa để phục vụ cho quá trình vận chuyển, tránh tình trạng hàng hóa không đủ cho vận chuyển.

Kiểm tra chất lượng, chủng loại hàng hóa, hạn sử dụng nhằm xuất những hàng hóa có hạn sử dụng ngắn, chất lượng kém đi trước nhằm tránh những hao hụt về hàng hóa, nâng cao hiệu quả kinh doanh

1.4.Tập kết hàng hóa theo đơn hàng

Hàng hóa sau khi được kiểm tra sẽ được tập kết đầy đủ theo đơn hàng nhằm phục vụ cho việc vận chuyển. Chỉ những hàng hóa đảm bảo yêu cầu về chất lượng, chủng loại và những yêu cầu của nhà sản xuất mới được xuất theo đơn hàng

2. Thực hành vận chuyển hàng hóa nội bộ

2.1. Kiểm tra hàng hóa theo đơn hàng vận chuyển nội bộ

Kiểm tra hàng hóa trong kho theo đơn hàng vận chuyển nội bộ nhằm xác định lượng hàng trong kho có đủ theo đơn vận chuyển hay không. Nếu đủ hàng thì tiếp tục thực hiện theo đơn vận chuyển. Nếu thiếu hàng thì cần báo cáo lại cho người quản lý để thay đổi đơn vận chuyển hoặc chuyển sang vận chuyển hàng hóa thay thế hoặc có phương án khác.

2.2. Lựa chọn phương tiện vận chuyển nội bộ

Lựa chọn phương tiện vận chuyển nội bộ nhằm vận chuyển đủ số lượng hàng hóa theo đơn hàng. Khi lựa chọn phương tiện vận chuyển cần chú ý các yếu tố sau:

- Tải trọng của phương tiện vận chuyển. Tải trọng lớn sẽ mất nhiều chi phí (chi phí đường bộ, xăng xe). Nên chọn tải trọng phù hợp với lượng hàng hóa vận chuyển.

- Loại phương tiện. Xe tải, máy bay, tàu hỏa, đường thủy, xe máy… Mỗi loại phương tiện sẽ có những ưu, nhược điểm và phù hợp với từng loại hàng hóa nhất định.

- Quãng đường vận chuyển. Quãng đường vận chuyển càng dài, càng khó đi thì tốn càng nhiều chi phí và cần những phương tiện vận chuyển phù hợp.

- Thời gian vận chuyển sẽ cần những phương tiện vận chuyển khác nhau.

2.3. Lựa chọn cung đường vận chuyển nội bộ

Cung đường vận chuyển cần phải phù hợp với địa điểm vận chuyển. Lựa chọn cung đường sẽ ảnh hưởng lớn tới lịch trình di chuyển, thời gian vận chuyển và chi phí vận chuyển. Do đó cần phải lựa chọn lịch trình di chuyển hợp lý

2.4. Thực hiện bốc xếp hàng hóa lên phương tiện vận chuyển

Hàng hóa được bốc xếp lên phương tiện vận chuyển theo đúng lịch trình của quá trình vận chuyển. Hàng hóa nào xuống trước sẽ xếp sau. Hàng hóa nào xuống sau sẽ xếp trước.

Hàng hóa bốc xếp theo đúng yêu cầu chất xếp đối với từng loại hàng hóa, đặc biệt chú ý hàng hóa dễ vỡ, dễ hỏng.

2.5. Thực hiện vận chuyển hàng hóa nội bộ

Thực hiện vận chuyển theo đúng lịch trình vận chuyển nội bộ. Trong quá trình vận chuyển chú ý các vấn đề phát sinh nhằm chủ động về thời gian. Tránh làm muộn quá trình vận chuyển làm cho hàng hóa về kho chậm hơn dự kiến ảnh hưởng tới quá trình kinh doanh.

2.6. Kết thúc quá trình vận chuyển hàng hóa nội bộ

Vận chuyển hàng hóa vào kho đích. Giao nhận các hóa đơn chứng từ và lập báo cáo vận chuyển nội bộ.

3. Thực hành vận chuyển hàng hóa phục vụ khách hàng

3.1. Xác định nhu cầu vận chuyển hàng hóa của khách hàng

Nhu cầu vận chuyển hàng hóa cho khách hàng là nhu cầu xuất hiện thường xuyên và được doanh nghiệp phục vụ hàng ngày. Doanh nghiệp cần xác định nhu cầu vận chuyển hàng hóa:

- Về số lượng nhu cầu: Số đơn hàng, số lượng hàng hóa vận chuyển, số lượng km vận chuyển, Số khách hàng yêu cầu vận chuyển

- Về thời gian: Thời điểm phát sinh nhu cầu vận chuyển và thời điểm kết thúc nhu cầu vận chuyển

- Địa điểm vận chuyển đến. Địa điểm vận chuyển hàng hóa cho khách hàng đến đâu, trong tỉnh hay ngoài tỉnh, địa bàn dễ dàng hay khó vận chuyển

- Yêu cầu của hoạt động vận chuyển: Hàng hóa dễ vỡ, cồng kềnh hay dễ vận chuyển…

3.2. Xác định cung đường vận chuyển

Xác định cung đường vận chuyển cho làm sao đảm bảo sự vận động hợp lý của phương tiện vận chuyển. Có nhiều cách xác định cung đường vận chuyển khác nhau bao gồm:

- Vận chuyển thẳng đơn giản là vận chuyển thẳng hàng hóa từ siêu thị tới khách hàng.

- Vận chuyển với tuyến đường vòng: Là vận chuyển hàng hóa đi từ siêu thị tới lần lượt từng khách hàng rồi sau đó trở về nơi xuất phát ban đầu

- Vận chuuyển qua trung tâm phân phối là việc vận chuyển hàng hóa đến trung tâm phân phối trong một khu vực địa lý nhất định. Sau đó trung tâm phân phối này chuyển những hàng hóa tương ứng đến tay từng khách hàng

- Vận chuyển đáp ứng nhanh. Là việc kết hợp các cách thức vận chuyển kết với với nhau nhằm đảm bảo đưa hàng đến tay khách hàng nhanh nhất.

3.3. Lựa chọn và vận hành thử phương tiện vận chuyển

Lựa chọn phương tiện vận chuyển và vận hành thử phương tiện vận chuyển nhằm xác định những ưu điểm nhược điểm của phương tiện, cùng những đánh giá về hiệu quả vận chuyển. Mục tiêu là lựa chọn được phương tiện vận chuyển hợp lý và hiệu quả nhất.

Có thể lựa chọn một phương tiện vận chuyển hoặc kết hợp nhiều phương tiện vận chuyển với nhau để tạo ra phương án vận chuyển tốt nhất.

3.4. Kiểm tra hàng hóa theo đơn hàng vận chuyển

Kiểm tra lại hàng hóa theo đơn hàng vận chuyển nhằm xem xét hàng hóa còn đủ cho đơn hàng vận chuyển không. Nếu đủ hàng thì sẽ tập trung hàng hóa để phục vụ vận chuyển. Nếu hết hàng thì cần bổ sung hàng hóa và hoãn lại hoạt động vận chuyển

3.5. Thực hiện bốc xếp hàng hóa lên phương tiện vận chuyển

Hàng hóa được bốc xếp lên phương tiện theo yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa và phương tiện. Hàng hóa nào xuống trước sẽ lên sau và hàng hóa nào xuống sau sẽ lên trước.

3.6. Vận chuyển hàng hóa đến nơi yêu cầu

Hàng hóa được vận chuyển đến nơi theo yêu cầu của khách hàng. Giao hàng, lắp đăt và chạy thử cho khách hàng. Cung cấp các hóa đơn chứng từ cần thiết cho

3.7. Kết thúc quá trình vận chuyển hàng hóa

Quá trình vận chuyển kết thúc.

4. Báo cáo vận chuyển hàng hóa

4.1. Chuẩn bị điều kiện báo cáo

- Các số liệu này từ các hóa đơn chứng từ như: Hóa đơn bán hàng, hóa đơn mua hàng, các báo cáo bán hàng, mua hàng…

- Số liệu cung cấp từ các bộ phận có liên quan như bộ phận mua hàng, bán hàng, kho, logistic…

-Chuẩn bị mẫu báo cáo bán hàng

- Chuẩn bị nhân lực, thời gian làm báo cáo bán hàng.

4.2. Thực hành quy trình báo cáo

Báo cáo bán hàng thương bao gồm các nội dung sau:

- Loại phương tiện vận chuyển

-Số lượng phương tiện vận chuyển

- Trọng tải vận chuyển (số hành khách, trọng lượng vận tải- tấn)

- Chi phí vận tải

- Doanh thu vận tải

- Các hoạt động khác (bốc xếp, kho bãi…)

Người báo cáo sẽ nộp báo cáo vận tải lên cấp trên trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý hoạt động vận tải. Đồng thời giải trình về các số liệu trong báo cáo nhằm giúp cấp trên hiểu rõ hơn về báo cáo vận chuyển, từ đó định hướng cho hoạt động vận tải và giúp gia tăng hiệu quả hoạt động vận tải

Biểu số: 04-CS/VTKB

Ngày nhận báo cáo: Ngày 31/3 năm sau

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI, KHO BÃI

(Áp dụng đối với doanh nghiệp có hoạt động vận tải, kho bãi)

(Năm)

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Thống kê tỉnh, TP

Mã số thuế của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp..... ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

Địa chỉ: - Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh:..... ☐☐☐

- Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương:..... ☐☐

Điện thoại……

Email:……..…… ☐☐☐☐☐

Ngành sản xuất kinh doanh chính .....……. ☐☐

Loại hình kinh tế doanh nghiệp.....……

A. Phương tiện vận tải có đến 31/12:

Chia theo ngành đường	**Hành khách**			**Hàng hóa**		
	Loại phương tiện	**Số lượng *(Chiếc)***	**Tổng trọng tải *(Chỗ)***	**Loại phương tiện**	**Số lượng *(Chiếc)***	**Tổng trọng tải *(Tấn)***
Đường sắt	Toa tàu khách			Toa tàu hàng		
Đường bộ	Ô tô 9 chỗ trở lên			Ô tô 5 tấn trở lên		
Đường bộ	Ô tô dưới 9 chỗ			Ô tô dưới 5 tấn		
Đường ven biển và viễn dương	Tàu khách			Tàu hàng		
Đường thủy nội địa	Tàu khách			Tàu hàng		
Đường hàng không	Máy bay chở khách			Máy bay chở hàng		

B. Doanh thu và sản lượng vận tải hành khách

Chia theo ngành đường	**Mã số**	**Doanh thu thuần**	**Tổng sản lượng**		***Trong đó:* Ngoài nước**		**Thuế GTGT xuất khẩu phát sinh phải nộp**
			Vận	**Luân**	**Vận**	**Luân**	

		(Triệu đồng)	**chuyển** *(1000 Hk)*	**chuyển** *(1000 Hk. Km)*	**chuyển** *(1000 Hk)*	**chuyển** *(1000 Hk. Km)*	*(Triệu đồng)*
A	B	1	2	3	4	5	6
Tổng số	**01**						
Đường sắt	02						
Đường bộ	03						
Đường ven biển và viễn dương	04						
Đường thủy nội địa	05						
Đường hàng không	06						

C. Doanh thu và sản lượng vận tải hàng hóa

Chia theo ngành đường	**Mã số**	**Doanh thu thuần** *(Triệu đồng)*	**Tổng sản lượng**		*Trong đó:* **Ngoài nước**		**Thuế GTGT xuất khẩu phát sinh phải nộp** *(Triệu đồng)*
			Vận chuyển *(1000 T)*	**Luân chuyển** *(1000 T. Km)*	**Vận chuyển** *(1000 T)*	**Luân chuyển** *(1000 T. Km)*	
A	B	1	2	3	4	5	6
Tổng số	**07**						
Đường sắt	08						
Đường bộ	09						
Đường ven biển và viễn dương	10						
Đường thủy nội địa	11						
Đường hàng không	12						

D. Hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ cho vận tải khác

	Mã số	**Đơn vị tính**	**Tổng số**	**Kho ngoại quan**	**Kho đông lạnh**	**Kho khác**
A	B	C	1 = 2+3+4	2	3	4
1. Số lượng kho có đến 31/12	13	Chiếc				
2. Tổng diện tích kho dùng cho kinh doanh có đến 31/12	14	m^2				

3. Doanh thu thuần dịch vụ kho bãi	15	Triệu đồng				
4. Dịch vụ hỗ trợ cho vận tải khác	16	Triệu đồng				
5. Thuế VAT, XK phải nộp	17	Triệu đồng				

E. Hoạt động bốc xếp

		Doanh thu thuần *(Triệu đồng)*	**Đường sắt *(1000 TTQ)***	**Đường bộ *(1000 TTQ)***	**Cảng Sông *(1000 TTQ)***	**Cảng Biển *(1000 TTQ)***	**Cảng Hàng không *(1000 TTQ)***	**Thuế VAT, XK *(Triệu đồng)***
Hàng hoá bốc xếp thông qua cảng	18							
Chia ra: - Bốc xếp hàng xuất khẩu	19							
- Bốc xếp hàng nhập khẩu	20							
- Bốc xếp hàng nội địa	21							
Trong tổng số: Bốc xếp hàng container	22							

..., ngày... tháng ... năm .....

Người lập biểu	**Người kiểm tra biểu**	**Giám đốc doanh nghiệp**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Bài tập vận chuyển hàng hóa

Khi tính số lượng xe cần thiết để vận chuyền hàng cần luu ý các chỉ tiêu sau:

Số xe cần thiết (chiếc)

$$X = M/N$$

X: Số xe cần thiết

M: Khối lượng hàng chu chuyển bình quân trong một ngày (tấn/km)

N: Năng suất bình quân một ngày của xe (tấn/km)

Năng suất bình quân một ngày của xe (tấn/km)

$$N = P_L \times Hp \times s \times c \times H$$

N: Năng suất bình quân một ngày của xe (tấn/ km)

P_L: Trọng tải lý thuyết của xe (tấn)

H_p: Hệ sô' sử dụng trọng tải xe

S: Số chuyến xe chạy bình quân một ngày

C: Cự ly bình quân một chuyến xe (km)

H: Hệ số sử dụng quãng đường xe chạy

Hệ *số* sử *dụng trọng tải xe*

$$H_p = P_T / P_L$$

H_p: Hệ số sử dụng trọng tải xe

P_T: Trọng tải thực tế của xe (tấn)

p_L: Trọng tải kỹ thuật của xe (tấn)

Cự ly bình quân một chuyến xe chạy (km)

$$C = M/Q$$

C: Cự ly bình quân một chuyến xe chạy (km)

M: Khối lượng hàng chu chuyển bình quân trong ngày (tấn/ km)

Q: Khối lượng hàng vận chuyển bình quân theo chuyến (tấn)

Hệ sổ sử dụng quãng đường xe chạy

$$H = C_h / C$$

H; Hệ số sử dụng quãng đường xe chạy

c_h: Tổng sô' km xe chạy có hàng

C: Tổng số km xe chạy (có hàng và không hàng)

Thời gian một chuyến xe chạy (giờ)

$$t_j = C/V + T_{bd}$$

tj_thời gian một chuyến xe chạy (giờ)

C: Cự ly bình quân một chuyến xe chạy (km) V: TỐC độ trung bình của xe (km/ giờ)

T_{bd}: thời gian dừng để bốc dỡ hàng (giờ)

Số chuyến xe chạy bình quân trong ngày (chiếc)

$$S = T/t$$

S: Sô' chuyến xe chạy bình quân trong ngày (chiếc)

T: Thời gian làm việc trung bình của xe trong ngày (giờ)

t: Thời gian một chuyến xe chạy (giờ)

Bài Tập 07:

Tại một doanh nghiệp trong tháng 3 năm N có tình hình vật tư như sau:

- Vật tư tồn đầu tháng: 4.000 kg, đơn giá 30.000 đồng/kg

- Tình hình nhập xuất trong tháng:

Ngày 03: nhập kho 4.000 kg, đơn giá nhập 30.500 đồng/kg

Ngày 08: xuất sử dụng 5.000 kg

Ngày 15: nhập kho 4.000 kg, đơn giá nhập 30.800 đồng/kg

Ngày 20: nhập 2.000 kg, đơn giá nhập 31.000 đồng/kg

Ngày 21: xuất sử dụng 5.500 kg.

Ngày	Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn kho		
	Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Đầu kỳ					4.000	30.000	120.000.000
Ngày 03	4.000	30.500			4.000	30.000	242.000.000
					4.000	30.500	
Ngày 08			4.000	30.000	3.000	35.000	91.500.000
			1.000	30.500			
Ngày 15	4.000	30.800			3.000	30.500	214.700.000
					4.000	30.800	
Ngày 20	2.000	31.000			3.000	30.500	276.700.000
					4.000	30.800	
					2.000	31.000	
Ngày 21			3.000	30.500	1.500	30.800	108.200.000
			2.500	30.800	2.000	31.000	
Tổng	307.200.000		319.000.000				108.200.000

Bài tập 08:
Trong tháng phát sinh

Ngày 3/3 xuất kho 200 kg

Nhập trong ngày 5/3 nhập kho 400 kg đơn giá 19.000

Ngày 7/3 xuất kho 300 kg

Ngày 9/3 xuất kho 100 kg

Ngày 19/3 nhập kho 500 kg đơn giá 20.000

Ngày 20/3 xuất kho 400 kg

Ngày 25/3 nhập kho 300 kg đơn giá 21.000

Ngày 27/3 xuất kho 300 kg

Ngày 28/3 nhập kho 400 kg đơn giá 19.000

Ngày 29/3 500 kg

Yêu cầu: Tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước

Bài tập 09:

Tính số xe cần thiết để vận chuyển hàng theo số liệu sau:

Khối lượng hàng chu chuyển bình quân một ngày là 4.900 tấn/km. Thời gian làm việc bình quân của xe trong một ngày là 10 giờ. Thời gian bốc dỡ bình quân một chuyến xe là 1 giờ. Tốc độ trung bình của xe chạy là 50 km/giờ. Khối lượng hàng vân chuyển bình quân một chuyến là 98 tấn. Trọng tải lý thuyết của xe là 3,5 tấn. Trọng tải thực tế của xe là 2,8 tấn. Quãng đường bình quân xe chạy có hàng là 21 km. Quãng đường bình quân xe chạy có hàng và cả không có hàng là 30 km. Hãy tính số xe cần thiết để vận chuyển lố hàng trên. Khả năng bốc dỡ hàng hóa của công ty là bao nhiêu tấn/giờ?

Giải bài tập 09:

Hệ số sử dụng trọng tải của xe bằng trọng tải thực tế chia cho trọng tải lý thuyết:

Hp = 2,8 tấn : 3,5 tấn = 0,8

Hệ sô' sử dụng quãng đường xe chạy bằng quãng đường xe chạy có hàng chia cho quãng đường xe chạy (có hàng và không cỏ hàng)

H = 21 km : 30 km = 0, 7

Cự ly bình quân một chuyến xe chạy bằng khối lượng hàng chu chuyển bình quân một ngày chia cho khối lượng hàng vận chuyển bình quân theo chuyến

c = 4900 (tấn / km): 98 (tấn) = 50 km

Thời gian mỗi chuyến xe chạy bằng cự ly bình quân một chuyến xe chạy chia cho tốc độ trung bình của xe cộng với thời gian dừng xe để bốc dỡ hàng

t = [50 (km): 50 (km/giò)] +1 giờ = 2 giờ

Sô' chuyến xe chạy bình quân trong ngày bằng thời gian làm việc trung bình của một xe trong ngày chia cho thời gian mỗi chuyên xe chạy

s = 10giờ : 2 giờ = 5 chuyến

Năng suất bình quân một ngày của xe bằng trọng tải lý thuyết xe nhản hệ số sử dụng trọng tải xe nhân sô' chuyến xe chạy bình quân một ngày nhân cự ly bình quản một chuyến xe nhân hệ sô' sử dụng quãng đường xe chạy

N = 3,5 tấn X 0,8 X 5 X 50 km X 0,7 = 490 tấn/km

Sô' xe cần thiết để vận chuyển hàng bằng khối lượng hàng chu chuyển bình quân trong ngày chia cho năng suất bình quân một ngày của xe

X = 4900 tấn/km : 490 tấn/km = 10 xe

Khả năng bốc dỡ là: 2.8 tấn/giờ (Bằng trọng tải thực tế của xe)

Bài tập 10:

Khối lượng hàng chu chuyển bình quân một ngày là 8100 tấn/km
Thời gian làm việc bình quân của xe trong ngày là 9 giờ
Thời gian bốc dỡ bình quân một chuyến xe là 1 giờ
Tốc độ bình quân của xe chạy là 30 km/ giờ
Khối lượng hàng vận chuyển bình quân một chuyến là 135 tấn
Trọng tải lý thuyết của xe là 5 tấn
Trọng tải thực tê' của xe là 4 tấn
Quãng đường bình quân xe chạy có hàng là 30 km
Quãng đường xe chạy có hàng và không có hàng là 40 km
Hãy tính sô' xe cần thiết để vận chuyển lô hàng trên

Giải bài tập 10:

Hệ số sử dụng trọng tải của xe:

Hp = 4 tấn : 5 tấn = 0.8

Hệ số sử dụng quãng đường xe chạy:

H= 30 km : 40 km = 0.75

Cự ly bình quân một chuyến xe chạy:

c = 8100 tấn/km : 135 tấn-= 60km

Thời gian mỗi chuyến xe chạy:

t= {60 km : 30 km) + 1 giờ = 3 giờ

Số chuyến xe chạy bình quân trong ngày:

s = 9 giò : 3 giò = 3 chuyến

Năng suất bình quân một ngày của xe:

N = 5 tấn X 0,8 X 3 X 60 km X 0,75 = 540 tấn /km

Số xe cần thiết để vận chuyển hàng:

X = 8100 tấn/km : 540 tấn/km = 15 xe

Bài tập 11:

Khối lượng hàng chu chuyển binh quân một ngày là 2250 tấn/ km
Thời gian làm việc bình quân của xe trong ngày 10 giờ
Tốc độ bình quân xe chạy 30km/ giờ
Thởi gian bốc dỡ bình quân một chuyến hàng 1 giờ
Khối lượng hàng vận chuyển bình quân theo chuyến 50 tấn

Trọng tải lý thuyết của xe 5 tấn
Trọng tải thực tế của xe 4 tấn
Quãng đường xe chạy bình quân có hàng 18 km
Quãng đường xe chạy có hảng và không có hàng 30 km
Tính sô' xe cần thiết để vận chuyển hàng hóa?

Bài tập 12:
Hãy lập các báo cáo vận chuyển của bài tập 08,09 theo mẫu số 04 trên.

PHỤ LỤC 28

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

GIẤY VẬN TẢI

Số: ..... Có giá trị đến.....

Biển kiểm soát xe: .....

1. Thông tin về đơn vị kinh doanh	**2. Thông tin về người lái xe**
Đơn vị vận tải:	Họ tên lái xe:
Địa chỉ:	Giấy phép lái xe số:
Số điện thoại liên hệ:	Số điện thoại liên hệ:
3. Thông tin về người thuê vận tải (Dành cho đơn vị kinh doanh vận tải hàng hóa kê khai)	**4. Thông tin về hợp đồng vận tải** (Dành cho đơn vị kinh doanh vận tải)
Tên người thuê vận chuyển:	Số hợp đồng:
Địa chỉ:	Ngày....tháng.....năm.....
5. Thông tin về chuyến đi	**6. Thông tin về hàng hóa**
Tuyến vận chuyển:	Tên hàng hóa:
Điểm xếp hàng:	Khối lượng hàng hóa:
Điểm giao hàng:	Thông tin khác:
Thời gian vận chuyển dự kiến:	
Bắt đầu từ:.....(giờ) đến.....(giờ)	
Tổng số km dự kiến:	
7. Thông tin về rơ moóc, sơ mi rơ moóc	
Biển số rơ moóc, sơ mi rơ moóc	
8. Phần dành cho người xếp, dỡ hàng hóa lên, xuống xe ghi	
Thông tin về xếp hàng lên xe - Xếp lần 1: Địa điểm:..... Khối lượng hàng:..... thời gian:..... Xác nhận của người xếp hàng: ..... - Xếp lần 2: Địa điểm:..... Khối lượng hàng:..... thời gian:..... Xác nhận của người xếp hàng:	**Thông tin về dỡ hàng xuống xe** - Dỡ lần 1: Địa điểm:..... Khối lượng hàng:..... thời gian:..... Xác nhận của người dỡ hàng: ..... - Dỡ lần 2: Địa điểm:..... Khối lượng hàng:..... thời gian:..... Xác nhận của người dỡ hàng: .....

....., ngày....tháng...năm....

Đơn vị vận tải

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

TÓM TẮT CHƯƠNG II

Trong chương này, một số nội dung chính được thực hành:

- Các hoạt động chuẩn bị vận chuyển
- Quy trình vận chuyển hàng hóa nội bộ
- Các hoạt động vận chuyển hàng hóa phục vụ khách hàng
- Báo cáo vận chuyển hàng hóa
- Vận dụng các bài toán về vận tải để đưa ra các quyết định về vận tải

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Các hoạt động chuẩn bị vận chuyển

Câu 2: Quy trình vận chuyển hàng hóa nội bộ

Câu 3: Các hoạt động vận chuyển hàng hóa phục vụ khách hàng

Câu 4: Báo cáo vận chuyển hàng hóa

Câu 5: Vận dụng các bài toán về vận tải để đưa ra các quyết định về vận tải

Câu 6: Câu hỏi thảo luận: So sánh quy trình vận chuyển hàng hóa nội bộ và quy trình vận chuyển hàng hóa phục vụ khách hàng

Câu 7: Câu hỏi thảo luận: Nội dung nào của báo cáo vận chuyển hàng hóa là quan trọng nhất? Tại sao?

CHƯƠNG III THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ BẢO QUẢN HÀNG HÓA

GIỚI THIỆU CHƯƠNG

Chương 3 là chương thực hành về nghiệp vụ bảo quản hàng hóa bao gồm các hoạt động quản lý nhiệt độ, độ ẩm, phòng trừ mốc, côn trùng và chuột, quản lý hao hụt, kê lót chất xếp hàng hóa, kỹ thuật bảo quản hàng hóa, kiểm tra chất lượng hàng hóa, viết báo cáo tình trạng hàng hóa trong bảo quản

MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Trình bày được các hoạt động bao gồm các hoạt động quản lý nhiệt độ, độ ẩm, phòng trừ mốc, côn trùng và chuột, quản lý hao hụt, kê lót chất xếp hàng hóa, kỹ thuật bảo quản hàng hóa, kiểm tra chất lượng hàng hóa,
- Liệt kê được các nội dung của báo cáo hàng hóa trong bảo quản

2. Về kỹ năng:

- Xác định định mức hao hụt, theo dõi, đánh giá hao hụt

- Thực hiện tốt các hoạt động quản lý nhiệt độ, độ ẩm, phòng trừ mốc, côn trùng và chuột trong bảo quản hàng hóa

Viết báo cáo tình trạng hàng hóa trong bảo quản

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

-Ý thức được tầm quan trọng và ý nghĩa thực tiễn của việc bảo quản hàng hóa.

- Thái độ học tập nghiêm túc, tích cực trong thảo luận các nội dung giảng viên nêu ra.

PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP CHƯƠNG 3

- Đối với người dạy: sử dụng phương pháp giảng giảng dạy tích cực (Thực hành mẫu, diễn giảng, vấn đáp, dạy học theo vấn đề); yêu cầu người học thực hiện câu hỏi thảo luận (cá nhân hoặc nhóm).

- Đối với người học: chủ động đọc trước giáo trình (chương 3) trước buổi học; hoàn thành đầy đủ câu hỏi thảo luận chương 3 theo cá nhân hoặc nhóm và nộp lại cho người dạy đúng thời gian quy định.

ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG 3

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Không

- Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu và các thiết bị dạy học khác

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan.

- Các điều kiện khác: Không có

KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG 3

- Nội dung:

+ Kiến thức: Kiểm tra và đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kiến thức

+ Kỹ năng: Đánh giá tất cả nội dung đã nêu trong mục tiêu kĩ năng.

+ Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Trong quá trình học tập, người học cần:
- Nghiên cứu bài trước khi đến lớp
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập.
- Tham gia đầy đủ thời lượng môn học.
- Nghiêm túc trong quá trình học tập.

- Phương pháp:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm kiểm tra (hình thức: Vấn đáp/thực hành)

+ Kiểm tra định kỳ thực hành: (hình thức: Vấn đáp/thực hành)

NỘI DUNG

1. Chuẩn bị vật tư, trang thiết bị bảo quản hàng hóa

1.1. Vật tư, trang thiết bị vệ sinh

Các thiết bị vệ sinh như: chổi, máy hút mùi, thiết bị lau sàn, … cần được chuẩn biị cho công tác bảo quản hàng hóa

1.2. Vật tư, thiết bị dụng cụ đo lường

Các thiết bị vật tư đo lường như thước đo, thiết bị kiểm đếm, các giấy tờ và dụng cụ có liên quan đến công tác kiểm đếm và đo lường.

2. Thực hành quản lý nhiệt độ, độ ẩm

2.1. Nhiệt độ

+ Ảnh hưởng của nhiệt độ

Dưới tác dụng của nhiệt độ cao, một số vật liệu, hàng hoá bị hao hụt về sô lượng, chất lượng bị giảm sủt đến hư hỏng hoàn toàn. Ví dụ:

Nhiệt độ cao, hoá chất chứa trong chai, lọ nổ vỡ do hiện tượng nở nhiệt; cổn xăng dầu bị bay hơi, dầu mỡ từ thể đặc chuyển sang thể lỏng, độ nhớt giảm, dễ bị óxi hoá; cao su bị mềm ra, dính chảy, mất tính đàn hồi; phim giấy ảnh bị chảy dính, pin bị khô, kính quang học bị rạn nứt...

Nhiệt độ cao còn là điều kiện thuận lợi cho nấm mốc phát triển phá hoại hàng hoá. Nhiệt độ thay đổi đột ngột làm cho màng sơn bị bong, bể mặt hàng hoá bị hơi nước ngưng tụ. Việc hơi nước ngưng tụ trên bể mặt hàng bằng kim loại làm cho quá trình han gỉ xảy ra nhanh hơn.

Để chống nóng cho kho hàng và hàng hoá, người ta thường áp dụng các biện pháp: thông gió, che phủ, và máy điều hoà nhiệt độ.

Thông gió: cũng như việc chống ẩm trong kho, người ta có thể dùng máy để thông gió hoặc dùng phương pháp thông gió tự nhiên. Nói chung về nguyên tắc, khi nhiệt độ trong kho cao hơn nhiệt độ ngoài kho, thì mở cửa để thống gió. Ngược lại nếu nhiệt độ ngoài kho cao hơn nhiệt độ trong khơ thì không thông gió. Trường hợp nhiệt độ trong kho cao hơn ngoài kho, nhưng độ ẩm bên ngoài lại cao hơn bên trong kho và yêu cầu chống ẩm là chính thì không nên mở cửa kho.

Kinh nghiệm cho thấy, nếu ngoài trời mát mẻ, nên mở cửa thông gió vào khoảng 6 - 9 giờ sáng hoặc vào iúc 18 giờ. Mùa hè nóng bức nên thông gió vào chiều tối.

Che phủ là biện pháp hạn chế sức nóng từ mái tôn dội xuống và từ các cửa dội vào kho. Áp dụng biện pháp này, các kho phải có trần, trần có thể bằng cót hoặc gồ dán, tốt nhất là trần bằng vôi rơm, mái kho thường phủ bằng rơm rạ, tranh cỏ. Với

mái kho là mái bằng, nên dùng tre, gỗ để kê cho lớp phủ cách mặt mái độ 20 - 30cm thì khả năng cách nhiệt cũng tốt. Dùng giấy trắng hoặc sơn trắng sơn các cửa kính; dùng phên, rèm để che các cửa sổ, cửa ra vào có các tia nắng mặt trời chiếu vào.

Dùng máy điều hoà nhiệt độ; có thể dùng máy điều hoà nhiệt độ để tường hoặc kiểu để cửa sổ. Đối với phòng lớn hơn 50rrf dùng máy để cửa sổ. Máy thường có sẵn những nút bấm để điều chỉnh tốc độ quạt gió nóng hoặc mát. Các kho dùng máy điều hoà nhiệt độ cần có phòng đợi để hàng hoá xuất nhập không bị thay đổi đột ngột nhiệt độ.

2.2. Độ ẩm

- Độ ẩm của không khí cao sẽ làm cho: hàng vải sợi, hàng da, máy ảnh, kính hiển vi, đồ dùng bằng thuỷ tinh bị mốc, các màng sơn sơn trên hàng hoá bị rộp. Máy thu thanh, thiết bị điện tử, dụng cụ đồ điện chất lượng bị giảm sút hoặc hư hỏng, làm giảm độ cách điện của các vật liệu cách điện. Hàng kim loại bị gỉ nhanh chóng, các bao bì làm bằng giấy dễ bị rách, bao bì bằng gỗ dán bị bong;...

- Độ ẩm của không khí quá thấp làm cho một số vật liệu, hàng hoá bị bốc hơi nước, dẫn đến kích thước bị thay đổi hoặc biến dạng. Ví dụ: hàng đồ gỗ khi trời khô hanh thường bị nứt nẻ, cong vênh.

- Tất cả các loại hàng hoá đều chứa một lượng hơi nước nhất định (thường gọi là thuỷ phần an toàn). Với thuỷ phần an toàn, hàng hoá có thể bảo quản lâu ngày mà khổng xảy ra những biến đổi đáng kể về số lượng cũng như về chất lượng.

- Độ ẩm của hàng hoá phụ thuộc nhiều vào nhiệt độ, độ ẩm tương đối của không khí. Khi nhiệt độ không đổi, độ ẩm tương đối của khống khí tăng lên sẽ làm cho độ ẩm của hàng hoá tăng lên và khi độ ẩm cua không khí giảm đi sẽ làm cho độ ẩm của hàng hoá giảm đi. Khi độ ẩm của không khí không đổi, nhiệt độ tăng lên sẽ làm cho độ ẩm của hàng hoá giảm đi, và khi nhiệt độ giảm sẽ làm cho độ ẩm của hàng hoá tăng lên.

3. Thực hành phòng trừ mốc, côn trùng và chuột

3.1. Phòng trừ mốc

Phòng trừ mốc

Nấm mốc phát triển trên giấy, vải, da, vật liệu điện, các loại keo động vật, làm cho sản phẩm bị hoen ố, mục nát, phai màu. Trong quá trình phá hoại, nấm mốc biến xenlulo thành dung dịch đường để làm thức ăn cho nó. Sự phát triển của nấm mốc bao giờ cũng kèm theo việc làm tiêu hao một lượng vật chất của môi trường sinh sống của chúng. Vì vậy khi bị nấm mốc, độ bền của vật liệu hàng hoá luôn luôn bị giảm sút.

Để phòng nấm mốc phá hoại phải làm tốt công tác sau:

+ Vệ sinh kho, dụng cụ, bao bì trước và sau khi sử dụng. Nếu thấy kho, dụng cụ, bao bì bị ẩm ướt có mốc phải tổ chức vệ sinh mạnh mẽ, diệt mốc rồi mới sử dụng.

+ Tổ chức tốt việc tiếp nhận hàng hoá: kiểm tra hàng hoá, bao bì trước lúc nhập kho. Vói những hàng dễ mốc, phải kiểm tra kỹ lưỡng hàng ít mốc. Nếu thấy bao bì rách, hàng có hiện tượng ẩm ướt phải kiểm tra kỹ lưỡng hàng hoá bên trong. Hàng bị ẩm ướt phải để riêng rồi tuỳ theo tính chất hàng hoá mà xử lý, khi đảm bảo yêu cầu mới đưa vào bảo quản. Hàng bị mốc phải cách ly, không được để trong khu vực bảo quản. Tuỳ theo loại hàng mà lựa chọn phương pháp xử lý thích hợp như: phơi, chải, lau hoặc dùng hoá chất để diệt.

+ Phân bố, chất hàng hoá đúng với yêu cầu bảo quản của mỗi loại hàng, bảo đảm thuận tiện cho việc chống ẩm, chống nóng và kiểm tra. Với những hàng dễ mốc không để ở những kho ẩm thấp, phải để *ở* kho khô ráo, xa ao hồ. Cách ly triệt để những hàng hoá đã bị mốc với hàng hoá tốt.

+ Thực hiện tốt chế độ bảo quản như: quản lý tốt nhiệt độ, độ ẩm trong kho; thường xuyên kiểm tra hàng hoá và kho để kịp thời phát hiện hàng hoá bị ẩm mốc và kho có bị dột hay ẩm để có biên pháp xử lý kịp thời. Định kì vệ sinh kho để tránh điều kiện mốc phát triển. Cách ly ngay hàng bị mốc, bị ẩm ở khu vực bảo quản.

+ Bao bì, dụng cụ phải để riêng, không để lẫn với hàng hoá.

3.2. Phòng trừ côn trùng

Phòng chống côn trùng

+ Côn trùng phát sinh do nhiều nguyên nhân, chúng có thể đã có trong hàng hoá khi nhập kho hoặc còn ẩn náu trong kho, trong khe cửa, gầm sàn... do phát sinh từ những hàng hoá bảo quản trước; cũng có thể từ những bao bì, phương tiện vận chuyển và các dụng cụ thiết bị hoặc do gió, chim, chuột mang vào kho.

+ Tác hại của côn trùng với hàng hoá là rất lớn. Chúng có thể trực tiếp cắn phá làm hỏng các hàng hóa như vải, gỗ lụa, giấy... Hoặc trong quá trình sống, côn trùng lột xác, bài tiết phân, nước tiểu, hơi nước... làm tăng độ ẩm của hàng hoá, làm màu sắc của hàng hoá bị thay đổi, hàng hoá bị nhiễm bẩn, nấm mốc dễ phát triển, hàng hoá dễ mục nát.

Biện pháp đề phòng côn trùng:

- Vệ sinh kho, dụng cụ, bao bì trước và sau khi sử dụng để diệt và tránh khổng cho côn trùng có điều kiện phát triển.

- Kiểm tra hàng hoá bao bì trước lúc nhập kho. Nếu hàng hoá có côn trùng hoặc bị ẩm ướt phải để riêng, tổ chức xử lý và không được đưa vào kho bảo quản.

- Phân bổ chất xếp hàng hoá đúng với yêu cầu bảo quản của mỗi loại hàng, bảo đảm thuận tiện cho công việc chống ẩm, chống nóng và kiểm tra hàng hoá, kho bảo

quản.

- Không để lẫn bao bì, dụng cụ vào khu vực bảo quản hàng hoá.

3.3. Phòng trừ chuột

Phòng, trừ chuột

Chuột phá hoại hàng hoá và kho rất mạnh. Chuột cắn hỏng hàng vải sợi, đổ gỗ, đồ nhựa, đổ điện... cắn hỏng cửa, mái kho, bao bì. Chuột còn đào hố, đào đất, bài tiết phân nước tiểu, tha rác, làm bẩn hàng hoá và hỏng kho. Ngoài ra, chuột còn đem bệnh dịch cho người.

Biện pháp phòng chuột: phòng chuột là biện pháp chính. Nếu phòng được chuột thì hạn chế được nhiều tác hại do chuột gây nên. Các biện pháp phòng chuột là:

+ Kho có trần, cửa thông gió sát nền kho phải có lưới sắt, chặt bỏ các cành cây và vật chạm vào mái kho để chuột không lên xuống được.

+ Định kỳ kiểm tra trong kho, ngoài kho: đổ vật bao bì xếp gọn gàng để chuột không có nơi ẩn nấp, làm tổ. Phun thuốc sát trùng để chuột sợ không tới gần kho và hàng hoá.

+ Phát hiện thấy hang chuột thì lấp kín ngay bằng cát, thuỷ tinh, gạch ngói vụn rồi trát kín lại.

Phương pháp diệt chuột: chuột là giống tinh khôn, nên việc diệt trừ phải tiến hành bằng nhiều cách, có thể dùng bẫy hay bả độc. Hiện nay, phổ biến là dùng bả chuột

4. Thực hành quản lý hao hụt

4.1. Xác định định mức hao hụt định mức

Hao hụt do bản thân hàng hoá là hao hụt tất yếu xẩy ra trong quá trình bảo quản là hao hụt tự nhiên.

Hao hụt tự nhiên không phải là cố định, mà có thể giảm dần được.

Trong cống tác quản lý, người ta quy định tỷ lệ hao hụt cho phép mỗi loại hàng và phấn đấu để hạ thấp tỷ lệ hao hụt đó. Tỷ lệ hao hụt cho phép này gọi là định mức hao hụt. Định mức hao hụt này thuộc loại hao hụt tự nhiên.

Những hao hụt vượt ra ngoài tỷ lệ cho phép quy định là hao hụt ngoài định mức hay hao hụt vượt định mức. Hao hụt ngoài định mức thường do trình độ nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm của người làm công tác bảo quản thấp và do thiên tai gây nên. Hao hụt do chủ quan người làm công tác bảo quản gây nên, phải quy rõ phạm vi, mức độ trách nhiệm và xử lý thoả đáng. Hao hụt do bão lụt, cháy phải lập biên bản, ghi rõ nguyên nhân, quy trách nhiệm, biện pháp xử lý và báo cáo cấp trên.

Xây dựng định mức hao hụt phải phù hợp với trình độ phát triển của ngành, phù hợp với hoàn cảnh của xí nghiệp, phải là mức hao hụt trung bình, tiên tiến và có nhiều người tham gia.

Biện pháp giảm hao hụt hàng hoá trong bảo quản

Tổ chức tốt quá trình nghiệp vụ kho là biện pháp chủ yếu để giảm hao hụt hàng hoá. Để thực hiên tốt biện pháp này, đòi hỏi người làm công tác bảo quản phải nắm vững tính chất của mặt hàng bảo quản và quy trình bảo quản mặt hàng, nắm vững những yếu tố gây nên hao hụt và cách khắc phục những yếu tố ấy và phải làm tốt từ khâu chuẩn bị hàng đến xuất hàng khỏi kho.

Xây dựng và thực hiên tốt định mức hao hụt cho từng mặt hàng bảo quản. Muốn giảm được hao hụt thì phải có định mức hao hụt. Định mức hao hụt phải là mức hao hụt trung bình tiên tiến để mọi người phấn đấu thực hiện. Phải thực hiện tổ chức nghiêm ngặt và thường xuyên kiểm tra, ai làm tốt thì khen thưởng kịp thời, ai thực hiện khổng tốt thì xử lý thích đáng.

Cải thiện cơ sở vật chất và kho bảo quản hàng hoá. Kho tàng cần được tu bổ cho hợp với yêu cầu cần bảo quản của từng loại hàng hoá. Tăng cường điều kiện vật chất như: thiết bị chất xép, di chuyển, thiết bị thông gió, thiết bị phòng cứu hoả... Giải quyết tốt điều kiện vật chất cho bảo quản là tiền đề để thực hiện tốt quy trình bảo quản hàng hoá nói chung, hạ thấp hao hụt nói riêng.

Thường xuyên nâng cao trình độ vãn hoá, nghiệp vụ chuyên môn cho người làm công tác bảo quản. Người làm công tác bảo quản có trình độ chuyên môn cao là điều kiện chủ yếu để họ chủ động và tổ chức tốt được việc bảo quản hàng hoá.

4.2. Tính toán hao hụt

Phương pháp tính toán mức hao hụt

Khi có định mức, mức hao hụt được tính toán bằng công thức:

$$H = (G1 + G2)M$$

Trong đó:

H: Hao hụt tính theo định mức (đồng).

GI: Giá trị hàng xuất (tiêu thụ) giữa hai kỳ kiểm kê (đồng).

G2: Giá trị hàng tồn kho đến ngày kiểm kê (đồng).

M: Mức hao hụt tính theo thời gian bảo quản trung bình. (Đơn vị tính là %)

Thời gian bảo quản trung bình dài, ngắn sẽ ảnh hưởng khác nhau đến mức hao hụt hàng hoá, được tính theo công thức:

$$T = \frac{G}{g}$$

Trong đó:

T: thời gian bảo quản trung bình (ngày)

G : dự trữ hàng hoá bình quân trong kỳ (đồng)

g: giá trị hàng tiêu thụ bình quán trong một ngày (đồng).

Hao hụt được tính theo định mức:

Nếu giá thị của hao hụt thực tế bàng hoạc thấp hơn giá trị tính toán trên, thì được coi là hao hụt đúng định mức và thấp hơn định mức, là bảo quản tốt.

Nếu giá trị của hao hụt thực tế cao hơn giá trị tính toán trên, là hao hụt vượt định mức, nó biểu hiện việc bảo quản không tốt. Trường hợp này phải lập biên bản, ghi rõ nguyên nhân và có biện pháp xử lý đúng đắn.

4.3. Đánh giá hao hụt

Biện pháp giảm hao hụt hàng hoá trong bảo quản

Tổ chức tốt quá trình nghiệp vụ kho là biện pháp chủ yếu để giảm hao hụt hàng hoá. Để thực hiên tốt biện pháp này, đòi hỏi người làm công tác bảo quản phải nắm vững tính chất của mặt hàng bảo quản và quy trình bảo quản mặt hàng, nắm vững những yếu tố gây nên hao hụt và cách khắc phục những yếu tố ấy và phải làm tốt từ khâu chuẩn bị hàng đến xuất hàng khỏi kho.

Xây dựng và thực hiên tốt định mức hao hụt cho từng mặt hàng bảo quản. Muốn giảm được hao hụt thì phải có định mức hao hụt. Định mức hao hụt phải là mức hao hụt trung bình tiên tiến để mọi người phấn đấu thực hiện. Phải thực hiện tổ chức nghiêm ngặt và thường xuyên kiểm tra, ai làm tốt thì khen thưởng kịp thời, ai thực hiện khổng tốt thì xử lý thích đáng.

Cải thiện cơ sở vật chất và kho bảo quản hàng hoá. Kho tàng cần được tu bổ cho hợp với yêu cầu cần bảo quản của từng loại hàng hoá. Tăng cường điều kiện vật chất như: thiết bị chất xép, di chuyển, thiết bị thông gió, thiết bị phòng cứu hoả... Giải quyết tốt điều kiện vật chất cho bảo quản là tiền đề để thực hiện tốt quy trình bảo quản hàng hoá nói chung, hạ thấp hao hụt nói riêng.

Thường xuyên nâng cao trình độ vãn hoá, nghiệp vụ chuyên môn cho người làm công tác bảo quản. Người làm công tác bảo quản có trình độ chuyên môn cao là điều kiện chủ yếu để họ chủ động và tổ chức tốt được việc bảo quản hàng hoá.

5. Thực hành kê lót chất xếp hàng hóa

5.1. Kê lót hàng hóa

Phân bổ hàng hoá

Phân bổ hàng hoá trong kho là việc phán chia khu vực bảo quản cho từng loại hàng, từng nhóm hàng nhất định.

Phán bổ hàng hoá bảo quản trong kho phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

Không gây ảnh hưởng xấu giữa hàng hoá này đến hàng hoá khác (tuân thủ thể lệ lân cận trong bảo quản). Để thực hiện nguyên tắc này, khi phân bố phải căn cứ vào tính chất đặc điểm của hàng hoá đưa vào bảo quản.

Hàng có mùi không để gần hàng dễ bắt mùi. Chè, thuốc hút, dầu thơm, xà phòng, đường..., không được để gần nhau.

Hàng ẩm ướt không được để gần hàng khô, hàng dễ hút ẩm. Xà phòng không được để gần đường, đường ẩm ướt không để gần hàng khố.

Hàng dễ bốc cháy không để chung với hàng dễ cháy. Xăng dầu cần có khu vực bảo quản riêng.

Hàng có yêu cầu bảo quản (về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng) khác nhau không thể bảo quản chung với nhau. Phim, giấy ảnh không thể bảo quản chung với nhạc cụ, máy thu thanh và các linh kiện máy.

Hàng kém chất lượng không bố trí bảo quản cùng với hàng có chất lượng tốt. Hàng bị nhiễm trùng phải cách ly triệt để.

Phân chia thành địa điểm cụ thể cho từng kiện hàng, từng nhóm hàng.

Khi phân bố hàng hoá, ngoài việc căn cứ vào tính chất, đặc điểm của hàng

hoá còn phải cãn cứ vào quy luật nhập xuất, nguồn hàng nhập và nơi giao hàng, tình trạng bao bì để phân bố cho hợp lý.

5.2. Chất xếp hàng hóa

Chất xếp hàng hoá

Chất xếp hàng hoá trong kho cũng phải đảm bảo các nguyên tắc như đối với phân bổ hàng hoá, ngoài ra còn phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

An toàn cho người và hàng hoá:

Chất xếp hàng hoá bảo đảm tiêu chuẩn quy định chất xếp đối với mỗi loại hàng. Hàng chưa cố quy định tiêu chuẩn chất xếp thì cãn cứ vào khối lượng các, hòm, bao, kiện: loại bao bì đóng gói hàng hoá và tỉ trọng của hàng hoá mà quyết định mức chất xếp. Nói chung hàng nặng không để trên hàng dễ dập vỡ, hàng đóng trong bao bì mềm; hàng nặng, hàng dễ vỡ, hàng đóng trong bao bì mềm không chất xếp đổng cao.

Thuận tiện cho việc thông gió tự nhiên:

Chất xếp hàng hoá phải căn cứ vào yêu cầu nhiệt độ, độ ẩm bảo quản của mỗi loại hàng, căn cứ vào mùa và loại kho bảo quản. Hàng có độ ẩm cao, hàng yêu cầu cần nhiệt độ, độ ẩm bảo quản thấp khi chất xếp bảo đảm có độ thoáng nhất định. Tuỳ theo mùa là mùa nóng hay mùa lạnh mà xếp chồng hàng cao hay thấp, rộng hay hẹp khác nhau. Mùa lạnh có thể xếp chồng hàng cao và rộng hơn mùa nóng. Kho kiên cố hay kho có trần thì xếp chồng hàng cao hơn kho mái tôn.

Dễ thấy, dễ lấy, dễ kiểm:

Mỗi đống hàng nên xếp một loại hàng có cùng chất lượng. Các bao, hòm, kiện phải xếp mặt có ghi nhãn ra phía ngoài đống hàng. Mỗi đống hàng đều phải có tích kê tên hàng, ký hiệu, số lượng, ngày nhập, xuất, người nhận,...

Xếp đúng ký hiệu hướng dẫn ngoài bao bì:

Mỗi hòm, bao, kiện hàng thường có ghi ký hiệu hướng dẫn cách chất xếp và bảo quản. Khi chất xếp hàng hoá bảo quản trong kho cũng như chất xếp hàng hoá lên phương tiện vận tải hay để hàng ở bến bãi phải tuyệt đối tuân thủ ký hiệu hướng dẫn này. Chất xếp hàng hoá đúng ký hiệu hướng dẫn sẽ tránh được tình trạnh hư hỏng do đổ, vỡ để ngược.

Để thực hiện tốt việc chất xếp hàng hoá, phải xây dựng tiêu chuẩn chất xếp cho các loại hàng ở kho, phải bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn và giáo dục tư tưởng cho cán bộ nhân viên công tác trong kho để họ thực hiện tốt những quy định về chất xếp hàng hoá.

Hàng công nghiệp bảo quản trong kho thường được chất xếp trên giá, tủ và xếp thành chồng.

Phương pháp xếp trên giá, tủ:

Phương pháp xếp trên giá, tủ thường được áp dụng với những hàng hoá đã mở bao, hàng lẻ còn thừa và hàng quý cần được bảo quản ở tủ chuyên dùng.

Phương pháp xếp trên giá, tủ thuận tiện cho việc xuất nhập hàng, khắc phục hiện tượng nhầm lẫn, tiết kiệm được diện tích kho...

Theo phương pháp này, thường dùng các loại giá: giá từng tấm, giá ô vuông, giá hỗn hợp, giá nhiều tầng có nhiều ô kéo.

Giá từng tấm là loại giá do nhiều tấm ván gồ ghép thành, mỗi tấm ghép là một tầng của giá. Giá này thường được xếp những loại hàng như: vải, hàng dệt kim, hàng may sẵn, hàng da, dụng cụ gia đình... Kích thước của giá và số tầng tuỳ theo kho (rộng hay hẹp, cao hay thấp) và tuỳ lượng hàng xuất lẻ hàng ngày để bố trí giá cho phù hợp.

Giá ô vuông khác giá từng tấm là mỗi tầng có ván ngăn cách thành ô vuông, ô lớn hay nhỏ là tuỳ thuộc vào lượng hàng chứa bình quân trong ó để bố trí. Giá ô vuông dùng để chứa và bảo quản hàng hoá lẻ nhỏ, từng chiếc như: hàng tạp hoá,

hàng mỹ phẩm, văn phòng phẩm và đồ điện.

Giá hỗn hợp là loại giá kết hợp hai loại giá trên. Nó có ưu điểm là tiện lợi và chứa được nhiều loại hàng. Tuỳ tình hình hàng hoá cần chất xếp, bảo quản có thể thay đổi số tầng, ô nhiều, ít cho phù hợp.

Giá nhiều tầng có ngăn kéo là loại giá ô vuông có ngăn kéo. Giá này dùng để bảo quản hàng nhỏ, đắt tiền.

Ngoài 4 loại giá trên, trong kho lớn còn dùng kệ bằng gỗ, kệ bằng ximăng cốt thép hoặc giá bằng kim loại có thể ghép nối với nhau để chất xếp và bảo quản hàng hoá.

Phương pháp xếp thành chồng:

Phương pháp chất xếp thành chồng thường áp dụng để chất xếp hàng hoá đóng trong các bao bì bằng gỗ, bằng kim loại và bằng giấy. Phương pháp chất xếp thành chồng có kiểu xếp hình khối tháp và kiểu hình khối lập phương.

Chất xếp kiểu hình khối tháp, thường áp dụng để xếp những hàng chứa trong thùng phuy, thùng gỗ tròn, trong bổ sọt... và đóng gói các bao như: đường, muối. Khi chất xếp cứ xếp thêm một lớp hàng lại rút bớt một thùng hoặc bao. Chất xếp kiểu hình khối tháp, lực phân tán đều trên đống hàng, nên lớp hàng dưới không bị lực ép lớn, đống hàng vững chắc.

- Chất xếp kiểu khối lập phương, có các kiểu: xếp thẳng, xếp cách ván, xếp trải ngược, xếp chéo chữ thập, xếp miệng giếng, xếp đứng.

+ Xếp thẳng ngang: Theo phương pháp xếp này thì vị trí bao, kiện hàng lớp trẽn cùng sắp xếp như vị trí bao, kiện hàng lớp dưới. Phương pháp xếp thẳng thường áp dụng xếp các hàng chứa trong các thùng bằng gỗ, bằng kim loại và có thổ áp dụng xếp các loại hàng như: ximãng, phân hoá học là những hàng ít chịu sự biến đổi do ảnh hưởng của nhiệt độ. Xếp thẳng có ưu điểm: dễ xếp, dễ lấy, dễ kiểm.

4- Xếp cách ván: Là hình thức xếp thẳng, điểm khác là ỏ giữa các lớp hàng có đệm thêm những tấm ván mỏng, nhỏ nhằm thoát ẩm, thoát nhiệt dễ dàng và để chồng hàng vững chắc hơn. Xếp ván cách thường áp dụng khi xếp những loại hàng dễ bị ảnh hưởng xấu của nhiệt độ, độ ẩm không khí và xếp các loại hàng chứa trong bao bì mềm như: các kiện vải, sợi tơ, lụa.

+ Xếp trái ngược: Mỗi lớp cứ hai hòm hoặc bao dọc xếp ngược chiều vuông góc với một hòm hoặc bao ngang, hay một hòm hoặc bao dọc xếp ngược chiều vuồng góc với hai bao ngang. Lần lượt lớp trên xếp ngược chiều với lớp dưới. Xếp trái ngược, đống hàng vững chắc, thường áp dụng khi xếp những bao, kiện có chiều dài gấp đôi chiều ngang.

+ Xếp chéo chữ thập: Theo cách xếp này, cứ 2 bao hoặc hòm lớp trên vắt ngang lên 2 bao hoặc hòm lớp dưới. Cách xếp này thường áp dụng ở những kho hlnh chữ nhật.

+ Xếp miệng giếng: Lớp dưới cùng gồm 4 hòm hoặc bao xếp vuông góc với nhau, lớp trên cách lớp dưới nhưng chênh lệch đi 1 hòm để cứ mỗi hòm hoặc bao lớp trên nằm trên đường vuông góc cua 2 hòm hoặc bao hàng lớp dưới. Với cách xếp này, ở giữa chồng hàng có khoảng trống, không khí lưu thông dễ dàng. Kiểu xếp miệng giếng thường áp dụng khi xếp những hàng hoá dễ bị ảnh hưởng của nhiệt độ cao làm biến chất như: sữa, phim, giấy ảnh.

+ Xếp đứng: kiểu xếp thường áp dụng để xếp các kiện nhung, len, dạ, giấy ảnh, giấy vẽ thành cuộn... nhằm bảo đảm cho tuyết nhung, dạ, len không bị xây xát, giấy ảnh không bị dính các lớp thuốc lại với nhau, giấy vẽ không bị gẫy do chịu lực ép lớn của kiện hàng.

6. Thực hành kỹ thuật bảo quản hàng hóa

6.1. Kỹ thuật bao gói hàng hóa

- Đóng gói đơn vị: cách đóng gói này tương ứng với các đơn vị mua của người tiêu dùng cuối cùng. Bao bì đóng gói phải phù hợp với hàng hóa; được sử dụng trong 1 thời gian dài và có mã vạch đi kèm phục vụ cho việc thanh toán.

- Đóng gói theo nhóm: tương ứng với đơn vị mua bởi 1 nhà bán lẻ hoặc nhà phân phối. Hàng hóa thường được đóng gói vào thùng giấy, carton rồi tập hợp trên pallet.

- Đóng gói theo nhóm: toàn bộ kiện hàng trên pallet sẽ được gắn thẻ SSCC (Serial Shipping Container Code – số seri hàng hóa vận chuyển bằng container) để xác định số lượng thùng/hộp carton của toàn bộ lô hàng, hạn sử dụng và số của lô hàng.

- Đóng gói hàng trong kho: Các sản phẩm được lưu trữ trên hệ thống kệ/giá đỡ. Kích thước bao bì phải phù hợp với kích thước của từng vị trí. Bao bì sản phẩm quá khổ sẽ được đặt ở dưới cùng hoặc trên cùng của giá đỡ. Kho đóng gói phải được mở hoặc đóng cửa thường xuyên; tránh độ ẩm mốc, côn trùng và các yếu tố ô nhiễm từ bên ngoài.

- Đóng gói bao bì vận chuyển: được xác định dựa trên tuyến đường vận chuyển; thời gian vận tải, các phương tiện xếp dỡ, nâng hạ hàng hóa; khí hậu và môi trường của khu vực có liên quan. Việc đóng gói bao bì vận chuyển tuân theo các chỉ tiêu bao bì quốc tế – đặc biệt là ISO; Uỷ ban kỹ thuật 122 và WPO (World Packaging Organization – Tổ chức bao bì thế giới)

6.2. Kỹ thuật xử lý bảo quản hàng hóa

- Kiểm kho.

Kiểm kho là quá trình chuẩn bị kho trước khi nhập hàng hoá và kiểm tra hàng hoá trước khi nhập vào.

Thủ kho và nhân viên có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra nhân viên bốc dỡ hàng hóa từ container vào trong nhà kho.
Thủ kho phải chắc chắn rằng các dụng cụ, công cụ và phương thức xếp dỡ hàng hoá được sử dụng là phù hợp và không làm tổn hại đến chất lượng sản phẩm được vận chuyển.
Trước khi nhập hàng vào kho, thủ kho và các nhân viên kho có nhiệm vụ dọn dẹp, sắp xếp kho hàng, mặt bằng kho sạch sẽ và ngăn nắp gọn gàng để sắp xếp hàng hóa mới.
Chú ý trong quá trình xếp dỡ, vận chuyển hàng hóa phải nhẹ nhàng, tránh va đập, đổ vỡ, làm méo mó thùng cartons.
Hàng hóa cũ còn tồn kho phải được thu xếp gọn gàng, tạo không gian, diện tích riêng cho loại hàng hóa mới nhập. Phải phân ra khu vực riêng của hàng hoá cũ và mới.
- Lưu kho.

Lưu kho là quá trình nhân viên sẽ nhập hàng hóa mới vào trong kho.
Nhân viên kho có nhiệm vụ ghi thẻ tên đầy đủ cho mỗi mã hàng, loại hàng hoá khác nhau bao gồm mã hàng, loại hàng, màu sắc, kích thước, chất liệu. Thẻ tên được gắn vào vị trí để hàng hóa được bảo quản trong kho. Mỗi loại hàng hoá khác nhau sẽ có thẻ tên riêng để phân biệt, tránh nhầm lẫn và dễ tìm hàng hóa khi xuất kho.
Thủ kho có nhiệm vụ tổ chức an toàn lao động trong chống cháy nổ trong kho, kiểm tra vị trí để bình PCCC, kiểm tra chất lượng bảo quản kho hàng… để việc đảm bảo quá trình bảo quản hàng hóa trong kho được thực hiện một cách hiệu quả.
- Sử dụng giá, kệ để đựng hàng hóa trong kho.

Đa số các doanh nghiệp, công ty hiện nay đều trang bị cho nhà kho, phân xưởng của mình một hệ thống kệ sắt, giá sắt để dự trữ hàng. Nhân viên sẽ kiểm hàng và phân loại các mặt hàng khác nhau thành từng loại và sắp xếp hàng hóa lên những giá, kệ này.
Tránh để hàng hóa trong kho sát mặt đất, giúp tránh ẩm thấp, tránh bị hư hỏng với khí hậu nóng ẩm của Việt Nam.

7. Thực hành quy trình kiểm tra chất lượng hàng hóa

7.1. Chuẩn bị kiểm tra

Chuẩn bị các phương tiện để kiểm tra
Chuẩn bị nhân lực

7.2. Kiểm tra

Giữ gìn tốt chất lượng và giảm đến mức thấp nhất hao hụt về số lượng và chất lượng của hàng hoá.

Sử dụng hợp lý diện tích và dung tích kho, bảo đảm các nghiệp vụ kho tiến hành thuận tiện.

An toàn cho mọi người, hàng hoá và thiết bị, kho tàng.

Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ, thể lệ nguyên tắc về quản lý nghiệp vụ - kỹ thuật và quản lý kinh tế tài chính.

7.3. Kết thúc kiểm tra

Lập Biên bản chứng nhận việc kiểm tra có chữ ký xác nhận của các bên

Chi trả các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc kiểm tra hàng hóa

8.Thực hành ghi chép, viết báo cáo tình trạng hàng hóa trong bảo quản

8.1. Ghi chép tình trạng hàng hóa

Trong quá trình bảo quản cần ghi chép lại tình trạng của hàng hóa bao gồm: thời gian nhập hàng, hạn sử dụng, giá cả, giá vốn, tình trạng hàng hóa là mới hay cũ, cùng số hiệu của hàng hóa, số lô, ngày kiểm kê hàng hóa

8.2. Lập báo cáo hàng hóa

(Theo mẫu)

Bài tập 13:

Trong qúi 4 năm 2013, công ty nông sản X đã mua về 240 tấn hàng hóa, dự trữ bình quân trong kỳ là 60 tấn. Kiểm kê ngày 01/01/2014 thấy số tồn kho là 50 tấn, hao hụt trong kỳ xác định được là 300kg.

Hãy nhận xét về số hao hụt trên, biết rằng: Tỷ lệ hao hụt cho phép là 0,1%/tháng bảo quản.

Bài tập 14

Tình hình nhập hàng của công ty thực phẩm Y trong tháng 07 năm 2013 được phản ánh theo các số liệu trong bảng sau:

Ngày nhập	01/07	11/07	16/07
Số lượng nhập (tấn)	50	80	60

Ngày 30 tháng 07 kho xuất bán hết số hàng nhập ngày 01/07 và 11/07 thấy hao hụt 150 kg (trong đó hao hụt của lô hàng nhập ngày 01/07 là 70 kg). Kiểm kê số nhập ngày 16/07 thấy số tồn thực tế là: 59.970kg.

Hãy nhận xét về số hao hụt của mỗi lô hàng, biết rằng tỷ lệ hao hụt cho phép là 0,1%/tháng bảo quản.

Bài tập 15:

Trong quí 4 năm 2013, công ty thực phẩm X đã mua về 200 tấn đường. Dự trữ bình quân trong kỳ là 50 tấn. Kiểm kê ngày 1/1 năm 2014, thấy số tồn kho là 30 tấn, hao hụt thực tế trong kỳ là 300 kg.

Yêu cầu: Hãy nhận xét về số hao hụt nói trên, biết tỷ lệ hao hụt được qui định như sau:

- 10 ngày đầu tiên: 0,08%
- Từ ngày 11 trở đi, mỗi ngày được tính 0,008%

Bài tập 16:

Ngày 1/10/2013, kho thực phẩm X đưa 20 tấn đường vào bảo quản tại 1/3 diện tích của kho số I. Ngày 1/11/2013, kho nhập thêm 40 tấn đường cùng loại bảo quản tại phần diện tích còn lại của kho I. Hàng chứa trong bao bì cùng loại, cách thức bảo quản như lô nhập ngày 1/10/ 2013.

Ngày 30/11/2013 kho xuất bán hết số đường nhập ngày 1/10 thấy hao hụt 25 kg, kiểm kê số nhập ngày 1/11 thấy hao hụt 40 kg.

Yêu cầu:

Hãy nhận xét về số hao hụt của mỗi lô hàng và cho biết tốc độ hao hụt của lô nào lớn hơn? biết rằng tỉ lệ hao hụt cho phép được qui định như sau:

+ Tháng bảo quản thứ nhất: 0,1%

+ Từ tháng thứ 2 trở đi mỗi tháng được tính: 0,08%

Bài tập 17:

Tổng kho X nhận một lô hàng, trong hóa đơn có các thông tin sau:

1. Mặt hàng: Đường RO (50kg/bao)

2. Số lượng: 200 bao

3 .Giá bán: 20 000 đ/kg

Khi giao nhận, hai bên thống nhất áp dụng hình thức kiểm tra đại diện với số lượng mẫu là 10%. Kết quả kiểm tra như sau:

- Kích thước bao bì và các số liệu ghi trên bao bì đảm bảo theo qui định
- Khối lượng trung bình một bao là 49,90 kg.

Yêu cầu:

Kho X phải nhận lô hàng trên theo kết quả kiểm tra thực tế hay số liệu ghi trong hóa đơn, nếu sai số cho phép là 0,08**%.**

Bài tập 18:

Kho nông sản siêu thị Y nhận một lô hàng, trong hóa đơn có các thông tin sau:

+ Mặt hàng: đỗ xanh

+ Số lượng: 400 bao (40kg/bao)

+ Giá bán: 40.000 đ/kg

Khi giao nhận, hai bên thống nhất áp dụng hình thức kiểm tra đại diện với số lượng mẫu là 3% số bao bì trong lô hàng. Kết quả kiểm tra như sau:

- Kích thước và các số liệu ghi trên bao bì đảm bảo theo thỏa thuận giữa hai bên
- Khối lượng trung bình một bao là 39,95 kg.

Yêu cầu:

Kho X phải nhận lô hàng trên theo kết quả kiểm tra thực tế hay số liệu ghi trong hóa đơn, nếu sai số cho phép là 0,2%.

Bài tập 19:

Ngày 1/10/2013, kho thực phẩm (X) đưa 20 tấn đường vào bảo quản tại 1/3 diện tích của kho số I. Ngày 1/11/2013, kho nhập thêm 40 tấn đường cùng loại bảo quản

tại phần diện tích còn lại của kho X. Hàng chứa trong bao bì cùng loại, cách thức bảo quản như lô nhập ngày 1/10/ 2013.

Ngày 30/11/2013 kho xuất bán hết số đường nhập ngày 1/10 thấy hao hụt 25kg, kiểm kê số nhập ngày 1/11 thấy số tồn thực tế là: 39.960 kg.

Yêu cầu:

Hãy nhận xét về số hao hụt của mỗi lô hàng và cho biết tốc độ hao hụt của lô nào lớn hơn? biết rằng, tỉ lệ hao hụt cho phép được qui định như sau:

+ Tháng bảo quản thứ nhất: 0,1%

+ Từ tháng thứ 2 trở đi mỗi tháng được tính: 0,08%

TÓM TẮT CHƯƠNG 3

Trong chương này, một số nội dung chính được thực hành bao gồm:

+ Chuẩn bị vật tư, trang thiết bị bảo quản hàng hóa
+ Liêt kê các hoạt động quản lý nhiệt độ, độ ẩm
+ Các biện pháp phòng trừ mốc, côn trùng và chuột
+ Liệt kê các hoạt động quản lý hao hụt
+ Thực hiện kê lót chất xếp hàng hóa
+ Thực hiện quy trình kiểm tra chất lượng hàng hóa
+ Viết và trình bày báo cáo tình trạng hàng hóa trong bảo quản

CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Chuẩn bị vật tư, trang thiết bị bảo quản hàng hóa

Câu 2: Liêt kê các hoạt động quản lý nhiệt độ, độ ẩm

Câu 3: Các biện pháp phòng trừ mốc, côn trùng và chuột

Câu 4; Liệt kê các hoạt động quản lý hao hụt

Câu 5:Thực hiện kê lót chất xếp hàng hóa

Câu 6: Các kỹ thuật bảo quản hàng hóa

Câu 7: Thực hiện quy trình kiểm tra chất lượng hàng hóa

Câu 8: Viết và trình bày báo cáo tình trạng hàng hóa trong bảo quản

Câu 9: Câu hỏi thảo luận: Các ứng dụng công nghệ thông tin trong bảo quản hàng hóa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Giáo trình Nghiệp vụ kinh doanh thương mại- Giáo trình nội bộ

[2]. Phạm Vũ Luận, Giáo trình Quản trị DNTM, nhà xuất bản Thống kê, 2015

[3]. Thiery Lefeuvre, *Quản lý thương mại đại cương,* NXB Giáo dục Việt Nam, 2013.

[4]. Lê Thị Hà Phương, *Luận văn: Khảo sát hành vi mua hàng của khách hàng tại 3 siêu thị: Hapro Mart, Big C, Co.op Mart và một số khuyến nghị cho các siêu thị bán lẻ tại Hà Nội,* 2011.